

VÉN MÀN BÍ MẬT NỮ THẦN ISIS

QUYỂN I – KHOA HỌC

Tác giả xin kính dâng bộ sách này cho Hội Thông Thiên Học, được sáng lập ở New York năm 1875 sau Công nguyên, ĐỂ HỘI NGHIÊN CỨU NHỮNG ĐỀ TÀI MÀ BỘ SÁCH BÀN TỚI

CHƯƠNG II

CÁC HIỆN TƯỢNG PHÉP LẠ VÀ THẦN LỰC.

- Sự nô dịch của xã hội.
- Thành kiến và sự ngu tín của các nhà khoa học.
- Họ bị các hiện tượng thông linh săn đuổi.
- Các bí thuật đã thất truyền.
- Ý chí của con người là chủ lực trong các thần lực.
- Những điều tổng quát hóa hơi hợt của các *nhà bác học* người Pháp.
- Các hiện tượng đồng cốt được gán cho cái gì?
- Quan hệ của chúng với tội ác.

“Lòng kiêu hãnh (nơi mà không có trí xảo) bước vào để bảo vệ chúng ta,
Và lấp đầy mọi ý thức trống rỗng còn cào trong tâm khảm . . .”

GIÁO HOÀNG

“Nhưng tại sao những tác động của thiên nhiên lại phải thay đổi? Có thể có một triết lý sâu sắc hơn mức ta mơ ước tới – một triết lý khám phá ra được những bí mật của thiên nhiên *nhưng không làm thay đổi lộ trình của nó qua việc thâm nhập vào các bí mật ấy*”.

BULWER

Việc con người biết rằng mình tồn tại có đủ hay chẳng? Việc tạo ra một con người khiến cho y xứng đáng với tên gọi CON NGƯỜI có đủ hay chẳng? Chúng ta có một cảm tưởng và niềm tin sắt đá rằng để trở thành một thực thể tâm linh chân chính (tên gọi ấy bao hàm nhiều ẩn ý) con người trước hết phải tái *sáng tạo* lại chính mình, có thể nói là hoàn toàn loại bỏ ra khỏi tâm trí và tinh thần của mình chẳng những cái ảnh hưởng khổng lồ của lòng ích kỷ và sự ô trược khác mà còn là việc ô nhiễm mê tín dị đoan và thành kiến. Thành kiến khác hẳn cái mà ta thường gọi là *sự phản cảm* hay *đồng cảm* (ác cảm hoặc thiện cảm). Thoạt tiên chúng ta bị thu hút một cách không cưỡng lại nổi hoặc vô ý thức vào bên trong cái vòng hắc ám ấy do ảnh hưởng đặc thù đó, do cái dòng từ khí mạnh mẽ xuất phát từ những ý tưởng cũng như từ những vật thể vật chất. Chúng ta bị bao quanh bởi điều này và cuối cùng do sự hèn nhát về đạo đức – sợ công luận – chúng ta bị ngăn cản không bước nổi ra khỏi cái vòng hắc ám ấy. Hiếm khi nào con người xem xét được một sự vật theo sự minh giải chân thật hoặc kiến giải sai lạc và chấp nhận kết luận do tác động tự do của sự phán đoán của chính mình. Hoàn toàn

ngược hẳn lại. Thông thường thì người ta đạt tới kết luận bằng cách mù quáng chọn theo dòng dư luận đương thời trong đám người mà mình liên kết. Một thành viên giáo hội sẽ không trả một giá cao phi lý cho ghế ở nhà thờ của mình, cũng như một nhà duy vật sẽ không đi nghe ông Huxley diễn thuyết về sự tiến hóa đến hai lần vì họ nghĩ rằng làm như thế là đúng, mà chỉ vì ông bà kia đã làm như thế và những nhân vật ấy đều là các bậc TAI TO MẶT LỚN.

Điều ấy cũng đúng với mọi chuyện khác. Nếu tâm lý học có được Darwin của mình thì nguồn gốc của con người xét về các phẩm tính đạo đức có thể tỏ ra là liên kết không tách rời khỏi nguồn gốc của thể xác y. Xã hội trong tình trạng nô dịch gợi ra cho người quan sát thông minh việc nó có nhái theo sự tương cận của loài Linh trưởng và loài người; điều này thậm chí còn nổi bật hơn mức được phô ra trong những dấu hiệu bên ngoài mà nhà nhân loại học vĩ đại đã nêu rõ. Nhiều chủng loại khí - "những sự miêu tả chế nhạo bản thân ta" - dường như đã tiến hóa với mục đích cung cấp cho một lớp người nào đó phục sức đặc tiền vật liệu dành cho các cây phổ hệ.

Khoa học đang càng ngày càng tiến nhanh chóng hướng về những phát minh vĩ đại trong lãnh vực hóa học, vật lý học, cơ quan học và nhân loại học. Những người có học giải thoát khỏi đủ thứ tiên kiến và thành kiến, thế nhưng mặc dù tư tưởng và ý kiến giờ đây đã được tự do, các nhà khoa học vẫn còn là những người giống y hệt như cũ. Một kẻ mơ mộng không tưởng là kẻ nghĩ rằng con người thay đổi theo sự tiến hóa và sự phát triển những ý tưởng mới. Đất có thể được vun bón phân và khiến cho nó mỗi năm đơm hoa kết trái đủ thứ càng ngày càng lớn hơn và tốt đẹp hơn; nhưng đào sâu thêm một chút khỏi cái lớp đất cần thiết cho vụ mùa thì ta thấy cũng thửa đất ấy có một lớp đất dưới đã ở sẵn đó trước khi luống cày đầu tiên được xới lên.

Cách đây không nhiều năm lắm, kẻ nào nghi vấn về tính không thể sai lầm của một giáo điều thần học nào đó tức khắc sẽ bị chụp mũ là kẻ vô đạo và đã phá ngẫu tượng. *Khốn khổ thay cho kẻ bị chinh phục!*. . . Khoa học đã chinh phục chiến thắng. Nhưng đến lượt kẻ thắng trận cũng lại rêu rao cái tính không thể sai lầm ấy mặc dù nó đâu có chứng tỏ được là mình không sai lầm. "*Thời thế đã đổi thay và chúng ta bắt buộc phải thay đổi theo*", câu nói của ông già tốt bụng Lotharius áp dụng được cho trường hợp này. Tuy nhiên chúng tôi cảm thấy như thể mình có quyền nghi vấn những bậc cao đồ về khoa học.

Trong nhiều năm chúng tôi quan sát sự phát triển và tăng trưởng của mỗi bất hòa đó là THẦN LINH HỌC HIỆN ĐẠI. Vì đã quen thuộc với kho tài liệu của nó ở cả Âu châu lẫn Mỹ châu, cho nên chúng tôi đã tha thiết chứng kiến kỹ càng những cuộc tranh cãi bất tận của nó để rồi so sánh với những giả thuyết mâu thuẫn với nó. Nhiều người nam nữ có giáo dục - dĩ nhiên đó là những người thần linh học phi chính thống - đã cố gắng thăm dò những hiện tượng thiên biến vạn hóa. Kết luận duy nhất là họ đi đến kết luận sau đây: cho dù lý do của những sự thất bại thường xuyên này có ra sao đi nữa - cho dù người ta đổ thừa cho chính các nhà khảo cứu hoặc qui kết cho một Lực bí mật đang hoạt động - thì ít ra nó cũng chứng tỏ được rằng sự mê mờ bao xung quanh nguồn gốc của chúng trở nên những thâm nhập được tỉ lệ với những sự biểu lộ tâm lý gia tăng về tần suất và chủng loại.

Giờ đây thật là hoài công mà chối bỏ việc người ta thật sự chứng kiến những hiện tượng phép lạ có bản chất bí nhiệm thường thường (và có lẽ) sai lầm được gọi là hiện tượng tâm linh. Cho dù đã trừ hao đi bớt một phần lớn sự lừa đảo tinh xảo thì những gì còn lại cũng đủ hoàn toàn nghiêm túc để đòi hỏi khoa học phải xem xét tỉ mỉ kỹ lưỡng. “Tự thân vận động”, câu này đã được nói tới từ lâu lắm rồi nay lại được chuyển sang phạm trù ngôn ngữ của người nội trợ. Giờ đây không cần tới lòng can đảm của Galileo để ném nó vào mặt Hàn lâm viện. Các hiện tượng tâm lý đã tấn công rồi.

Nhà khoa học hiện đại có lập trường như sau: cho dù quả thật có xảy ra một vài hiện tượng bí nhiệm khi có mặt những người đồng cốt thì cũng chẳng có bằng chứng nào cho thấy nó không do một số tình huống thần kinh bất thường của những cá nhân ấy. Không cần phải xét tới khả năng chúng được tạo ra do vong linh của con người trở lại chừng nào còn chưa quyết định được những vấn đề khác. Lập trường này cũng có ít ngoại lệ. Chắc chắn là gánh nặng chúng có đè nặng trĩu đôi vai những kẻ khẳng định tác nhân của các vong linh, nếu các nhà khoa học thực tình đương đầu với đề tài này mà tỏ ra tha thiết muốn giải quyết điều bí nhiệm gây rối trí thay vì khinh thường nó là không đủ tư cách và không thuộc phạm vi chuyên môn của mình thì họ đâu có để cho thiên hạ có cơ chỉ trích mình. Thật vậy, đại đa số những cuộc giao tiếp “tâm linh” đều được dự tính để làm ghê tởm những nhà khảo cứu thậm chí chỉ có trí thông minh bình thường. Ngay cả khi là chân thực thì chúng cũng tầm thường, tầm phào và thường là dung tục. Trong 20 năm vừa rồi, thông qua đủ thứ người đồng cốt, chúng tôi đã nhận được những thông điệp ngụ ý là của Shakespere, Byron, Franklin, Peter Đại đế, Napoleon, Josephine và ngay cả Voltaire nữa. Chúng tôi có cảm tưởng chung là nhà chinh phục người Pháp cũng như bà hoàng hậu của mình đã quên mất cách phát âm cho chính xác; Shakespere và Byron đã trở thành những kẻ nát rượu quanh năm suốt tháng, còn Voltaire đã biến thành một kẻ ngu xuẩn. Ai có thể trách được những người có thói quen chính xác (hoặc ngay cả những người có trình độ giáo dục cao thâm) cũng vội vã kết luận rằng khi có biết bao nhiêu sự dối trá rành rành hiện ra trên bề mặt thì khó lòng có thể có sự thật nếu như họ tìm hiểu triệt để? Kẻ bán rong về những hồng danh hào nhoáng bám theo những cuộc giao tiếp ngớ ngẩn đã khiến cho cái bao tử của khoa học bị bội thực đến nỗi nó không thể tiêu hóa được, ngay cả cái sự thật vĩ đại vốn nằm trên những cao nguyên điện báo của cái đại dương hiện tượng tâm lý này. Họ chỉ phán đoán theo phiến diện bị che phủ bởi những vầng bọt và cặn bã, nhưng họ cũng có thể chối bỏ rằng có nước trong ở dưới đáy biển sâu khi có một vầng dầu lơ lửng trên mặt nước. Do đó nếu một mặt chúng ta không thể quở trách họ được nhiều vì đã lùi bước khi thoát thấy điều dường như là ghê tởm, thì chúng tôi ắt và có quyền phê phán họ vì không sẵn lòng thăm dò sâu hơn nữa. Ta không hề thấy một viên ngọc trai hoặc một viên kim cương đã được mài giũa nằm ở hờ trên mặt đất; những người ấy hành động cũng chẳng khôn ngoan chút nào giống như một người thợ lặn chuyên nghiệp vớt bỏ một con sò vì nó có dáng vẻ dơ dáy và nhớp nhúa khi chỉ cần mở banh nó ra thì y sẽ tìm thấy một viên ngọc trai quý báu bên trong vỏ sò.

Ngay cả những lời quở trách đúng đắn và nghiêm khắc của một số nhà lãnh đạo cũng vô hiệu và nỗi lo sợ của các nhà khoa học khi khảo cứu một đề tài không được lòng dân như thể dường như nói chung trở thành một nỗi hoang loạn. "*Những hiện tượng săn đuổi các nhà khoa học, và các nhà khoa học chạy trốn khỏi những hiện tượng*". M. A. N. Aksakof đã nhận xét rất thẳng thừng như thế trong một bài báo rất hay bàn về thuật Đồng cốt tại Ủy ban Khoa học Saint Petersburg. Thái độ của đoàn thể các giáo sư này đối với đề tài mà họ đã cam kết khảo cứu hoàn toàn chỉ là ô nhục. Bài tường trình quá sớm và *được sắp xếp trước* của họ hiển nhiên là quá thiên vị và không có sức thuyết phục để kêu gọi được một sự phản đối khinh thường ngay cả những kẻ không tin tưởng.

Sự tiền hậu bất nhất trong lập luận của các nhà bác học quý tộc chống lại triết lý của thần linh học chính hiệu đã được giáo sư John Fisk (một người trong đoàn thể này) nêu rõ một cách đáng khâm phục. Trong một tác phẩm triết học gần đây, "*Thế giới Vô hình*", khi chứng tỏ rằng theo chính định nghĩa của các thuật ngữ *vật chất* và *tinh thần* thì ta không thể chứng minh được sự tồn tại của tinh thần cho giác quan thấy và như thế không một thuyết nào tuân theo *các thí nghiệm khoa học*; ông ráo riết công kích các bạn đồng liêu qua những dòng chữ sau đây:

Ông nói: "Trong một trường hợp như thế với tình huống của cuộc sống hiện nay thì bằng chứng ắt phải mãi mãi không đạt được. Nó hoàn toàn nằm ngoài tầm mức của kinh nghiệm cho dù nó có thể phong phú đến đâu đi chăng nữa thì ta cũng không thể trông mong gặp được nó và do đó việc tạ không thể tạo ra nó thậm chí cũng không gây ra một sự phỏng đoán chút xíu nào chống lại thuyết của ta. Khi được quan niệm theo kiểu này thì niềm tin vào kiếp tương lai ắt không được khoa học ủng hộ nhưng đồng thời nó lại được đặt vào mức vượt quá nhu cầu ủng hộ của khoa học và quá tầm mức phê phán của khoa học. Đó là một niềm tin mà không một sự tiến bộ trong tương lai nào có thể tưởng tượng được về mặt phát kiến vật lý lại có thể bài bác được nó một chút nào. Đó là một niềm tin đâu phải là phi lý và ta có thể ấ ủ nó một cách hợp lý mà tuyệt nhiên không ảnh hưởng tới thói quen khoa học của tâm trí ta hoặc ảnh hưởng tới những kết luận khoa học của ta". Ông nói thêm: "Nếu giờ đây các nhà khoa học chấp nhận lập trường tinh thần không phải là vật chất, cũng chẳng bị chi phối bởi những định luật vật chất và nếu họ không suy đoán về nó mà chỉ hạn chế trong kiến thức về các sự vật vật chất thô thì họ ắt rút lại được điều mà hiện nay là nguyên nhân chính yếu gây bực mình cho nhà tôn giáo".

Nhưng họ đâu có làm như thế. Họ cảm thấy diên tiết trước sự đầu hàng anh hùng, trung trinh và rất đáng khen của những người cao cấp như Wallace, và họ từ chối chấp nhận ngay cả chính sách thận trọng và hạn chế của ông Crookes.

Không một đòi hỏi nào khác đưa ra để có buổi điều trần ý kiến chứa đựng trong tác phẩm này hơn mức chúng được dựa vào nhiều năm nghiên cứu cả pháp thuật cổ điển lẫn pháp thuật hiện đại tức là Thần linh học. Mãi cho tới nay, khi các hiện tượng có cùng bản chất đã trở nên quen thuộc xiết bao đối với mọi người thì pháp thuật cổ điển vẫn thường được gán cho là trò ảo thuật khéo tay. Khi bằng chứng áp đảo ngăn ngừa được khả năng thật sự tuyên bố Thần linh học là trò lang băm thì người ta lại gọi Thần linh học là một ảo giác khắp thế giới.

Chúng tôi nghĩ rằng nhiều năm lang thang trong đám pháp sư “ngoại đạo” và “Ki Tô hữu”, huyền bí gia, nhà thôi miên Mesmer và *toàn thể* pháp thuật chánh đạo và tà đạo cũng đủ cho chúng tôi có quyền cảm thấy mình đủ tư cách để quan niệm thực tiễn về vấn đề bị nghi ngờ và rất phức tạp này. Chúng tôi đã giao thiệp với các fakirs, những người thánh thiện ở Ấn Độ và thấy họ giao tiếp với các *Pitris*. Chúng tôi đã quan sát thủ thuật và *phương pháp vận hành* của những *dervishes* tru tréo và nhảy múa; chúng tôi đã giao tiếp thân hữu với các marabouts ở Thổ Nhĩ Kỳ thuộc Âu châu và Á châu; còn những người dụ rắn ở Damascus và Benares chẳng qua chỉ có một vài bí mật mà chúng tôi chưa có dịp may để nghiên cứu. Do đó khi các nhà khoa học nào chưa bao giờ có cơ hội sống giữa các nhà ảo thuật Đông phương để có thể cùng lắm cũng chỉ phán đoán một cách hơi hợt mà những người đó lại bảo chúng tôi rằng trong phần trình diễn của họ chẳng có gì ngoại trừ những trò xảo thuật, thì chúng tôi không thể không cảm thấy tiếc nuối sâu sắc cho những kết luận vội vã như thế. Việc những lời tuyên bố kiêu căng như vậy được đưa ra đối với việc phân tích rất ráo các quyền năng của thiên nhiên đồng thời lại lơ là một cách không thể tha thứ được bộc lộ qua những vấn đề thuần túy có tính chất sinh lý và tâm lý, cũng như việc bác bỏ các hiện tượng đáng kinh ngạc mà không chịu khảo sát hoặc bị hấp dẫn. Thì đây chúng tôi chứng tỏ rằng có sự tiền hậu bất nhất sặc mùi khiếm nhược nếu chẳng phải là lương leo về mặt đạo đức.

Do đó nếu chúng tôi đã từng nhận được một ông Faraday đương đại nào đó cũng cái lời nói móc họng mà nhà quý tộc ấy đã đưa ra cách đây nhiều năm khi do thành thật nhiều hơn so với trình độ gia giáo, ông có bảo rằng: “nhiều *con chó* còn có khả năng đạt tới những kết luận hợp lý hơn một số nhà thần linh học”^[1] thì chúng tôi e rằng mình vẫn còn phải kiên trì. Chưỡi rửa đầu phải là lập luận chứ đừng nói tới là chứng minh. Vì những người như Huxley và Tyndall có gọi thần linh học là “một niềm tin làm mất phẩm giá” và gọi pháp thuật Đông phương là “trò ảo thuật” cho nên họ không thể nhờ vậy mà rút ra được sự thật từ chân lý. Thói đa nghi cho dù xuất phát từ một đầu óc khoa học hoặc một óc dốt nát thì cũng không thể lật đổ được tính bất tử của linh hồn chúng tôi – nếu tính bất tử như thế là một sự kiện – và nhúng chìm chúng vào trong sự hủy diệt *sau khi chết*. Aristotle có nói: “Lý trí cũng dễ bị sai lầm”; ý kiến cũng như vậy và quan điểm cá nhân của triết gia bác học nhất thường dễ tỏ ra là sai lầm hơn là óc phân biện phải trái của người đầu bếp thất học. Trong tác phẩm *Những câu chuyện của kẻ Vô đạo Khalif*, Barrachias-Hassan-Oglu, là một nhà hiền triết Ả rập có trình bày bài thuyết pháp minh triết sau đây. Ông bảo: “Hỡi con ta ơi, hãy coi chừng việc tự bốc thơm mình. Nó nguy hiểm nhất vì nó gây nhiễm độc một cách dễ chịu. Hãy lợi dụng minh triết của chính mình, nhưng hãy học cách cũng tôn trọng minh triết của cha ông. Và hỡi kẻ thân thương của ta nên nhớ rằng ánh sáng sự thật của thánh Allah sẽ thường thâm nhập hơn vào một cái đầu trống rỗng so với cái đầu đã bị đặc nghệt kiến thức đến nỗi nhiều tia sáng bạc phải bị trục xuất vì thiếu chỗ trống . . . , đây là trường hợp đối với Kadi quá minh triết của chúng ta”.

[1] W. Crookes, Hội viên Hội Hoàng gia, tác phẩm “Các Khảo cứu về Hiện tượng Thần linh học.

Các đại diện của khoa học hiện đại của cả hai bán cầu dường như chưa bao giờ bộc lộ sự khinh thường hoặc cảm thấy cay đắng đối với điều bí nhiệm chưa giải quyết được hơn lúc nào hết từ khi ông Crookes bắt đầu khảo cứu các hiện tượng phép lạ ở Luânđôn. Nhà quý tộc can đảm này là người đầu tiên giới thiệu với công chúng một trong những lính canh được coi là “đã hiện hình” vốn canh gác những cánh cổng bị cấm mở. Tiếp sau ông, nhiều thành viên bác học khác trong đoàn thể khoa học có sự liêm khiết hi hữu kết hợp với một mức độ dũng cảm – xét vì tính không được lòng dân của đề tài này, sự dũng cảm đó có thể được coi là anh hùng – để cứu xét tới hiện tượng phép lạ.

Nhưng hỡi ơi, mặc dù tinh thần quả thật đã sẵn sàng thì xác phàm lại tỏ ra bạc nhược. Họ bị chế nhạo nhiều hơn mức có thể chịu đựng nổi, thì cái gánh nặng trĩu nhất đã được trút lên vai ông Crookes. Ta có thể tìm thấy bài tường trình về lợi ích mà nhà quý tộc này gặt hái được từ cuộc khảo cứu bất vụ lợi của mình, và những lời cảm ơn mà ông nhận được từ chính các nhà khoa học huynh đệ của mình qua ba quyển sách nhỏ của ông mang tựa đề là *Khảo cứu về các Hiện tượng Thần linh học*.

Chỉ một lúc sau thì các thành viên được bổ nhiệm vào Ủy ban thuộc Hội Biện chứng và ông Crookes (đã áp dụng những thí nghiệm quyết định nhất cho các đồng cốt của mình) bị một công chúng sốt ruột ép buộc phải báo cáo bằng những lời lẽ rành mạch xiết bao về điều mà mình đã thấy được. Nhưng liệu họ có thể nói được gì ngoại trừ sự thật? Vậy là họ bị bắt buộc phải thừa nhận rằng: 1- Những hiện tượng mà họ ít ra đã chứng kiến đều là đúng thực và không thể giả mạo được; như vậy chúng tỏ rằng những sự hiện hình do một lực chưa biết nào đó có thể và ắt đã xảy ra. 2- Họ cũng chẳng biết liệu các hiện tượng này là do các vong linh đã thoát xác hay các thực thể tương tự nào khác gây ra; nhưng những sự biểu lộ làm đảo lộn hoàn toàn nhiều thuyết tiên kiến về các định luật thiên nhiên đã xảy ra và không thể chối bỏ được. Nhiều sự biểu lộ này đã xảy ra trong chính gia đình của họ. 3- Mặc dù họ phối hợp mọi nỗ lực theo chiều hướng ngược lại vượt ngoài tầm sự kiện không bác bỏ được về thực tại của các hiện tượng phép lạ thì “những thoáng thấy về những tác động tự nhiên vẫn còn chưa rút về dạng định luật được”^[1], cho nên mượn cách diễn tả của Bá tước Gabalis thì họ cũng chẳng thể hiểu được đầu đuôi xuôi ngược ra sao nữa”.

Thế nhưng đây chính là điều mà một công chúng đa nghi không ngờ tới. Sự bối rối của những kẻ tin vào thần linh học đã được nôn nóng tiên liệu trước khi người ta loan báo những kết luận của quý ông Crookes, Varley và Hội Biện chứng sự thú nhận. Như thế sự thú nhận của các nhà khoa học huynh đệ với họ thật là quá sỉ nhục cho lòng kiêu hãnh của ngay cả những kẻ nhút nhát không chịu nghiên cứu. Người ta đã coi thật sự là quá nhiều những biểu lộ dung tục và ghê tởm ấy của các hiện tượng phép lạ luôn luôn được đám người có giáo dục đồng thanh coi như là chuyện con nít, chỉ thích hợp để mua vui cho các cô đầy tớ gái dễ bị loạn thần kinh và mang lại thu nhập cho các nhà mộng du chuyên nghiệp; những sự

^[1] W. Crookes: “Những thí nghiệm về Lực Thông linh”, trang 25.

biểu lộ đã được Hàn lâm viện và Học viện Paris xếp vào quên lãng thế mà lại dám xấc xược thoát khỏi bàn tay dò tìm của những chuyên gia về khoa học vật lý.

Tiếp theo sau lời thú nhận ấy là một cơn lốc căm phẫn. Ông Crookes có mô tả điều này trong quyển sách nhỏ của mình bàn về *Lực Thông Linh*. Ông mở đầu quyển sách một cách rất huých toẹt bằng lời trích dẫn Galvani: "Tôi bị công kích bởi hai phái rất đối lập nhau: phái khoa học gia và phái *chẳng biết gì hết*, thế nhưng tôi biết rằng mình đã khám phá ra một trong những lực lớn nhất của thiên nhiên . . ." Thế rồi ông nói tiếp:

"Người ta coi như đương nhiên các kết quả thí nghiệm của tôi phải phù hợp với các quan niệm tiên kiến của họ. Điều mà họ thực sự mong muốn đâu phải là *sự thật*, mà là một chứng cứ thêm nữa ủng hộ những kết luận đã được tiên liệu trước của chính họ. Khi họ thấy những sự kiện mà sự khảo cứu đó đã xác lập không thể ăn khớp được với ý kiến này thì tại sao các sự kiện ấy lại trở nên tối tệ biết dường nào. Họ cố gắng lén ra khỏi những lời khuyến cáo tự tin của chính mình theo cuộc điều tra để tuyên bố rằng ông Home là một nhà ảo thuật khéo léo đã lừa bịp được tất cả chúng ta. Ông Crookes cũng có thể đạt được sự thích đáng như vậy qua việc khảo sát trò trình diễn của một nhà ảo thuật Ấn Độ. Ông Crookes phải có được bằng chứng tốt hơn trước khi người ta có thể tin ông ấy. Sự việc này quá phi lý nếu không được khảo luận một cách nghiêm túc. Nó là bất khả hữu và do đó không thể có được (tôi chưa bao giờ nói nó là bất khả hữu, tôi chỉ nói nó là đúng như thế). Các nhà quan sát đều bị sinh vật hóa và họ đã bị hoang tưởng nên mới thấy những sự vật xảy ra vốn thật sự *chưa bao giờ* diễn ra v.v. . ." [1]

Sau khi hao tổn năng lượng cho các thuyết ấu trĩ như "trí não vô ý thức", "sự co cơ vô ý thức" và cái thuyết lỗ bịch tinh vi "bẻ răng rắc khớp đầu gối"; sau khi gặp phải những thất bại nhục nhã do cái lực mới ấy cứ ngoan cố sống sót và cuối cùng sau mọi nỗ lực tuyệt vọng nhằm quên phút nó đi thì *những đứa con không tin tưởng này* (theo cách mà thánh Paul gọi lớp người đó) nghĩ rằng tốt nhất thì hãy từ bỏ toàn thể cái chuyện ghê tởm ấy. Sau khi đã hiến tế các huynh đệ kiên trì dũng cảm của mình là một con vật tế thần trên bàn thờ công luận thì họ lặng lẽ rút lui một cách đường đường chính chính. Sau khi để lại đấu trường khảo cứu cho các đấu thủ vô úy hơn thì các nhà thực nghiệm bất hạnh này có lẽ chẳng bao giờ gia nhập đấu trường trở lại nữa [2]. Cho đến nay việc chối bỏ thực tại của những sự biểu lộ như thế vẫn dễ hơn khi ở một khoảng cách an toàn so với việc tìm ra cho chúng một vị trí thích hợp trong lớp các hiện tượng thiên nhiên mà khoa học chính xác chấp nhận. Và làm thế nào mà họ có thể thực hiện được vì mọi hiện tượng như thế đều thuộc về tâm lý học, và tâm lý học với những quyền năng huyền bí và bí nhiệm là *vùng đất hoang chưa ai biết tới* trong khoa học hiện đại. Do đó vì bất lực không giải thích được điều trực tiếp xuất phát từ bản chất của chính hồn người – hầu hết những nhà khoa học này đều chối bỏ sự tồn tại của linh hồn – đồng thời không sẵn lòng thú nhận sự dốt nát của mình cho nên các nhà khoa học

[1] W. Crookes: "Thần linh học theo sự Minh giải của Khoa học Hiện đại". Xem "Tạp chí Khoa học" xuất bản ba tháng một kỳ.

[2] A. Aksakof, tác phẩm "Hiện tượng Đồng cốt".

mới trả đũa rất bất công đối với những kẻ tin vào bằng chứng của giác quan mình mà không núp dưới bất kỳ chiêu bài khoa học nào.

Trong một vở bi kịch cổ của Nga, thi sĩ Tretiakowsky có nói: "Hỡi thần Jupiter, một cú đá của ngài cũng êm ái xiết bao". Những thần Jupiter của khoa học đôi khi cũng có thể thô bạo đối với chúng ta là những kẻ phàm phu cả tin, cái học thức uyên bác của họ - chúng tôi ngụ ý trong những vấn đề ít bí hiểm hơn - chứ đâu phải phong cách của họ mới khiến cho công chúng tôn trọng họ. Nhưng tiếc thay các vị thần linh không phải là những người la to nhất.

Khi nói về quỷ Sa tăng và lũ tiểu yêu mà ông kết tội là đã từng bắt chước công trình của Đấng Tạo hóa, Tertullian hùng biện có gọi chúng là "những con khỉ của Thượng Đế". Cũng may cho triết học là chúng ta không có một vị Tertullian hiện đại để phó thác cho họ tính bất tử được gọi một cách khinh bỉ là "những con khỉ của khoa học".

Nhưng ta hãy trở lại với các nhà khoa học chân chính. A. N. Aksakof có nói: "Các hiện tượng chỉ mang tính cách ngoại giới bắt buộc các đại biểu của khoa học chính xác phải nghiên cứu và giải thích; nhưng đứng trước một vấn đề xét theo biểu kiến là đơn giản như thế . . . các vị cao đạo của khoa học lại hoàn toàn ngỡ ngàng. Đề tài này dường như có đặc quyền bắt buộc họ phải phản bội chẳng những là bộ luật cao nhất của đạo đức tức là sự thật mà còn phản bội cả định luật tối cao của khoa học, tức là *thực nghiệm!* Họ cảm thấy rằng có một điều gì đó quá nghiêm túc ẩn bên dưới nó. Những trường hợp của Hare, Crookes, De Morgan, Varley, Wallace và Butleroff tạo ra một sự hoảng loạn! Họ e rằng ngay khi mình lùi một bước thì mình ắt phải nhượng bộ trọn cả vùng đất. Các nguyên lý được thời gian kiểm chứng, những suy đoán, suy nghiệm của trọn cả một đời, của một chuỗi dài các thế hệ đều được cá cược chỉ trên một lá bài!" [1].

Đứng trước những trải nghiệm như của ông Crookes và Hội Biện chứng, của Wallace và cố giáo sư Hare, liệu ta có thể trông mong điều gì từ các nhà minh giải bác học này? Bản thân thái độ của họ đối với hiện tượng không chối bỏ được cũng lại là một hiện tượng khác. Đó chỉ là một điều không thể hiểu nổi trừ phi ta phải thừa nhận có một bệnh tâm lý khác cũng bí nhiệm và dễ truyền nhiễm như bệnh sợ nước. Mặc dù không đòi hỏi được tôn vinh về một phát hiện mới, song lẽ chúng tôi đề nghị nhận diện nó với tên gọi là *bệnh sợ tâm linh của nhà khoa học*.

Vào lúc này trong trường đời kinh nghiệm cay đắng, họ ắt phải học biết được rằng mình chỉ có thể tin cậy vào sự tự túc của các khoa học thực chứng đến một mức độ nào đó thôi và chừng nào còn có chỉ một bí nhiệm trong thiên nhiên chưa giải thích được thì từ ngữ *bất khả hữu* là một từ nguy hiểm mà họ không nên thốt ra.

Trong quyển *Khảo cứu về các Hiện tượng Thần linh học*, ông Crookes trình bày cho bạn đọc chọn theo một trong tám thuyết để giải thích về những hiện tượng đã được quan sát. Các thuyết này như sau:

[1] A. Aksakoff: "Hiện tượng Đồng cốt".

"*Lý thuyết 1*: Các hiện tượng phép lạ đều là kết quả của những thủ thuật, những sự bài trí cơ khí khéo léo hoặc trò ảo thuật lẹ tay, đám đồng cốt đều bị bịp bợm và đám người còn lại là những kẻ điên rồ.

"*Lý thuyết 2*: Những người lên đồng đều là nạn nhân của một loại bệnh điên hưng cảm hoặc hoang tưởng và tưởng tượng ra những hiện tượng phép lạ là khó xảy ra mặc dù chúng không thực sự tồn tại nơi ngoại giới.

"*Lý thuyết 3*: Toàn thể đều là kết quả của tác động của trí não có ý thức hoặc vô ý thức.

"*Lý thuyết 4*: Đó là kết quả do chơn linh của người đồng cốt có lẽ phối hợp với chơn linh của một số hoặc tất cả những người hiện diện.

"*Lý thuyết 5*: Do tác động của các vong linh ác tức ma quỷ, nhân cách hóa người hoặc vật tùy ý để gây phương hại cho Ki Tô giáo và hủy hoại linh hồn con người (thuyết của các nhà thần học).

"*Lý thuyết 6*: Do tác động của một giới sinh linh riêng biệt sống trên trần thế nhưng vô hình và phi vật chất đối với chúng ta. Tuy nhiên đôi khi chúng có thể biểu hiện ra mà hầu hết mọi xứ và mọi thời đại đều biết là loài quỷ (không nhất thiết là tội tộ), thổ thần, thần tiên, kobolds, elves, goblins, Pucks v.v. . . (Một trong những lời khẳng định của các môn đồ kinh Kabala).

"*Lý thuyết 7*: Do tác động của những người đã quá cố. (Đặc biệt là thuyết của các nhà thần linh học).

"*Lý thuyết 8*: (Lực thông linh) . . . phụ trợ cho thuyết thứ 4, 5, 6 và 7".

Thuyết thứ nhất đã được chứng tỏ là chỉ có giá trị trong trường hợp ngoại lệ mặc dù tiếc thay vẫn còn rất thường xuyên xảy ra; thuyết này ắt phải bị loại bỏ vì không có tác động quan trọng lên bản thân các hiện tượng phép lạ. Các thuyết thứ *nhì* và thứ *ba* là những thành lũy cuối cùng đang sụp đổ của quân du kích bao gồm những kẻ đa nghi và duy vật, và như giới luật gia nói vẫn còn bất hợp pháp. Như vậy trong tác phẩm này ta chỉ có thể bàn tới bốn thuyết còn lại; theo ý kiến của ông Crookes thì thuyết cuối cùng tức thuyết thứ 8 chẳng qua chỉ là "một thuyết phụ trợ cần thiết" cho các thuyết kia.

Ta có thể thấy ngay cả một ý kiến khoa học cũng dễ bị sai lầm xiết bao miễn là ta có thể so sánh nhiều bài báo bàn về các hiện tượng tâm linh do cây viết tài ba là nhà quý tộc ấy đã xuất hiện từ năm 1870 tới năm 1875. Nơi một trong các bài báo đầu tiên ta đọc thấy: "Việc càng ngày càng sử dụng những phương pháp khoa học sẽ giúp cho ta quan sát chính xác hơn và khiến cho các nhà điều tra yêu sự thật hơn; nó sẽ tạo ra một lớp nhà quan sát *đầy lùi những cận bã vô giá trị của thần linh học từ nay trở đi lọt vào cõi u linh chẳng ai biết tới pháp thuật và thuật chiêu hồn.*" Và năm 1875 cũng dưới chữ ký của ông ta đọc thấy những lời mô tả tỉ mỉ và hấp dẫn nhất về vong linh hiện hình tên là Katie King!^[1]

Hầu như không thể giả sử rằng ông Crookes có thể chịu ảnh hưởng điện sinh học hoặc bị ảo giác trong 2 - 3 năm liên tiếp. "Vong linh" xuất hiện trong chính nhà của ông, trong phòng sách của ông, trong những thí nghiệm quyết định nhất và được hàng trăm người nhìn thấy, sờ thấy và nghe thấy.

[1] "Katie King Cuối cùng", tập sách nhỏ iii, trang 119.

Nhưng ông Crookes lại chối cãi rằng ông chẳng bao giờ coi Katie King là một vong linh đã thoát xác. Thế thì nó là cái gì đây? Nếu đó không phải là cô Florence Cook, và lời lẽ của ông cũng đủ bảo đảm cho ta về điều này thì đó hoặc là vong linh của một người đã sống trên trần thế hoặc là một trong những người trực tiếp thuộc về thuyết thứ 6 trong tám thuyết mà nhà khoa học lỗi lạc đã đề ra cho công chúng lựa chọn. Nó ắt phải là một trong các lớp mang tên: Thần tiên, Kobolds, Thổ thần, Quỷ lùn, Yêu tinh hoặc Puck” [1].

Đúng vậy, Katie King ắt phải là một cô tiên - một cô Titania. Đó là vì người ta chỉ có thể áp dụng thỏa đáng vần thơ lai láng sau đây cho một cô tiên mà ông Crookes đã trích dẫn khi mô tả vong linh tuyệt vời này:

“Cô tạo ra một bầu không khí sinh động xung quanh mình;
Chính bầu không khí dường như nhẹ hơn qua mắt cô;
Chúng mềm mại, đẹp đẽ và đầy đặn mọi điều mà;
Ta có thể tưởng tượng được về các bầu trời;
Sự hiện diện áp đảo của cô khiến cho bạn cảm thấy
Có quì gối xuống cũng chẳng thể *sùng bái ngẫu tượng!*” [2]

Và thế là năm 1870 sau khi đã viết lời kết án nghiêm khắc chống lại thần linh học và pháp thuật; sau khi bảo rằng ngay cả vào lúc đó ông vẫn tin rằng “trọn cả vụ này là một điều mê tín dị đoan hoặc ít ra là một mảnh lối chưa ai giải thích được – một sự lừa gạt các giác quan” [3]; vào năm 1875, ông Crookes đã kết luận bức thư của mình bằng những dòng chữ đáng ghi nhớ sau đây: “Tôi xin nói rằng tưởng tượng Katie King trong ba năm vừa qua là kết quả của sự lừa bịp ắt là đối xử thô bạo với lý trí và óc phân biệt phải trái thông thường của mình nhiều hơn mức tin rằng cô chính là điều mà cô tự khẳng định” [4]. Hơn nữa, nhận xét cuối cùng này chứng tỏ một cách dứt khoát rằng: 1- Mặc dù ông Crookes tin chắc rằng một người nào đó tự xưng là Katie King không phải là đồng cốt, cũng không phải là đồng lõa nhưng ngược lại là một lực chưa ai biết trong thiên nhiên, nó coi thường “việc khóa kín cửa” cũng chẳng khác nào *trình yêu* bất chấp mọi ngăn cách. 2- Cái dạng Lực cho đến nay chưa ai nhận biết được mặc dù đối với ông nó đã trở thành “không phải vấn đề nêu ý kiến mà là vấn đề hoàn toàn hiểu biết”, mặc dù vậy nhà khảo cứu lỗi lạc cho đến phút chót vẫn không từ bỏ thái độ hoài nghi của mình đối với vấn đề này. Tóm lại ông tin chắc vào hiện tượng nhưng không thể chấp nhận ý kiến đó là vong linh của *một người nào đó* đã quá cố.

Xét về thành kiến của công luận thì chúng tôi thấy ông Crookes dường như giải quyết một điều bí nhiệm này bằng cách tạo ra một bí nhiệm còn sâu sắc hơn nữa: *điều bí mật nhất trong mọi điều bí mật*. Nói cách khác, khi bác bỏ “*cặn bã vô giá trị của thần linh học*”, nhà khoa học dũng cảm đã vô úy đắm chìm vào “*cõi u linh chẳng ai biết tới về pháp thuật và thuật chiêu hồn* do chính mình gợi ra!”

[1] Như trên, tập sách nhỏ, i, trang 7.

[2] “Katie King Cuối cùng”, tập sách nhỏ, iii, trang 112.

[3] Như trên, trang 112.

[4] “Các Khảo cứu về Hiện tượng Thần linh học”, trang 45

Những định luật mà khoa học vật lý thừa nhận chỉ giải thích được một vài trong số những hiện tượng mang tính ngoại giới hơn của cái gọi là hiện tượng tâm linh. Trong khi chúng tỏ thực tại của một vài tác dụng hữu hình thuộc một lực chưa ai biết tới, cho đến nay nó vẫn chưa giúp cho các nhà khoa học có thể tùy ý kiểm soát được ngay cả chỉ bộ phận này của các hiện tượng. Sự thật là các giáo sư vẫn còn chưa phát hiện ra được những điều kiện cần thiết để cho chúng xảy ra. Chúng phải đi sâu vào việc nghiên cứu bản chất tam bội của con người – sinh lý, tâm lý và *thiên liêng* – giống như các bậc tiền bối là các pháp sư, nhà thông thần và nhà thần thông thời xưa. Cho tới nay, ngay cả những người khảo cứu các hiện tượng ấy một cách rất ráo và vô tư như ông Crookes cũng dẹp sang một bên nguyên nhân là một điều gì đó mà hiện nay người ta chưa phát hiện được (nếu có). Họ không còn băn khoăn về điều đó hơn là về nguyên nhân đầu tiên của những hiện tượng vũ trụ, về mối tương quan của các lực; họ chỉ mất công quan sát và phân loại các tác dụng vô tận của chúng. Lộ trình của chúng đã tỏ ra là không khôn ngoan giống như lộ trình của một người toan tính phát hiện cội nguồn của một con sông bằng cách đi thám hiểm hướng về cửa sông. Nó đã thu hẹp quan niệm của họ về những khả năng thuộc định luật thiên nhiên theo đó các dạng rất đơn giản của những hiện tượng huyền bí cũng buộc họ phải chối bỏ rằng chúng chỉ có thể xảy ra nếu có phép lạ; và đây là một điều phi lý về khoa học cho nên kết quả đã là khoa học vật lý mới đây đã bị mất uy tín. Nếu các nhà khoa học đã nghiên cứu cái gọi là "các phép lạ" thay vì chối bỏ chúng thì nhiều định luật bí mật của thiên nhiên mà cổ nhân hiểu được ắt lại được tái phát hiện. Bacon có nói: "Sự xác tín không bắt nguồn từ sự lập luận mà từ sự thí nghiệm".

Cổ nhân bao giờ cũng xuất sắc – nhất là các nhà Pháp thuật và chiêm tinh gia người Chaldea – vì họ tha thiết yêu mến và tha thiết theo đuổi kiến thức trong mọi ngành khoa học. Họ cố gắng thâm nhập các bí mật của thiên nhiên cũng giống như các nhà vạn vật học hiện đại và chỉ dùng phương pháp duy nhất khiến người ta có thể đạt được mục tiêu này, nghĩa là bằng lý trí và nghiên cứu thực nghiệm. Nếu các triết gia hiện đại không thể hiểu được sự thật là họ đã thâm nhập sâu hơn về các điều bí nhiệm của vũ trụ thì điều này cũng không tạo ra một lý do xác đáng tại sao ta không tin họ có được kiến thức này hoặc buộc tội họ chịu trách nhiệm về điều mê tín dị đoan. Chẳng có gì bảo đảm được lời kết tội ấy và mọi khám phá khảo cổ mới đều nổi dậy chống lại giả định đó. Họ đều vô song về mặt hóa học và trong bài thuyết trình nổi tiếng *Bàn về các Thuật đã Thất truyền*, Wendell Phillips có nói: "Hóa học của thời kỳ xa xưa nhất đã đạt tới mức mà *ta thậm chí chưa bao giờ đến gần được*". Bí mật của thủy tinh dễ dát mỏng – "nếu chỉ được nâng đỡ ở một đầu, do trọng lượng của chính mình thì trong vòng 20 tiếng đồng nó sẽ rút gọn lại thành một sợi dây mảnh mai mà bạn có thể quấn quanh cổ tay mình" – ắt khó lòng mà tái phát hiện được trong các xứ văn minh của ta chẳng khác nào bay lên mặt trăng.

Có một sự thật lịch sử là việc tạo ra một cái cốc bằng thủy tinh do một người lưu đày mang tới La Mã vào triều đại Tiberius – cái cốc này "khi được ném mạnh xuống hè đường bằng đá hoa cương không bị vụn tan hoặc nứt vì do sự va chạm ấy" và nếu nó có bị "móp méo chút ít" thì cũng dễ dàng nắn lại hình dáng cũ bằng

một cái búa. Nếu ngày nay người ta nghi ngờ việc ấy thì đó chỉ là vì người hiện đại không thể làm được như vậy. Và thế nhưng, nơi Samarkand và một số tu viện ở Tây Tạng, người ta vẫn có thể tìm thấy những cái cốc và đồ thủy tinh như thế mãi tới tận ngày nay; thậm chí có người quả quyết rằng mình có thể làm được giống như vậy nhờ có hiểu biết về chất dung môi vạn năng đã bị chế nhạo rất nhiều và xưa nay đã bị nghi ngờ. Tác nhân này mà Paracelsus và Van Helmont quả quyết rằng đó là một lưu chất nào đó trong thiên nhiên "có thể rút gọn mọi vật thể trần thế, đồng chất cũng như hỗn hợp qui về *nguyên thể bản sơ* tức vật chất nguyên thủy cấu tạo thành chúng, hoặc rút gọn chúng thành ra một chất lỏng đồng dạng, đồng đẳng và dễ uốn, nó hiệp nhất được với nước, với các thể dịch trong mọi vật thể, song vẫn giữ được những tính chất căn cốt của chính mình; và nếu nó lại được hòa lẫn với chính nó thì do đó sẽ được chuyển hóa thành nước sơ cấp thuần khiết"; liệu có điều ngăn cản không cho ta tin vào phát biểu ấy? Tại sao nó lại không tồn tại và tại sao ý tưởng này được coi là không tưởng? Chẳng lẽ lại vì các nhà hóa học hiện đại của ta không thể chế tạo ra nó hay sao? Nhưng chắc chắn là ta có thể không cần nhiều cố gắng tưởng tượng cũng quan niệm được rằng mọi vật thể thoát tiên ắt phải xuất phát từ một vật chất bản sơ nào đó, và tùy theo những bài học của thiên văn học, địa chất học và vật lý học, vật chất này ắt phải là một lưu chất. Tại sao vàng – các nhà khoa học của ta biết rất ít về khởi nguyên của vàng – lại thoát tiên là *một vật chất bản sơ của vàng*, là một lưu chất nặng nề mà Van Helmont có nói rằng "do bản chất của chính mình tức là do có sự cố kết mạnh mẽ giữa các hạt, nó theo được một dạng rắn chắc sau đó"?

Dường như có rất ít sự phi lý khi tin vào một "nguyên thể vạn năng làm tan hòa được mọi vật thể thành ra *nguyên tử sinh hóa* của mình". Van Helmont gọi đó là "chất muối cao siêu nhất và thành công nhất trong mọi chất muối; nhờ đã đạt được mức độ tối cao về đơn giản, thuần khiết và tinh vi, chất muối ấy chỉ nếm trải được khả năng vẫn còn bất biến và không bị hao mòn do những đối tượng mà nó tác động lên đó và làm tan hòa được những vật thể khó điều chế và khó xử lý nhất; cũng giống như đá, đá quý, thủy tinh, đất, lưu huỳnh, kim loại v.v. . . tan hòa thành muối đỏ có trọng lượng bằng trọng lượng của chất bị hòa tan, và điều này cũng dễ dàng như việc nước nóng làm cho tuyết tan chảy ra".

Những người chế tạo loại thủy tinh dễ dát mỏng đã khẳng định và giờ đây đã khẳng định rằng họ nhúng thủy tinh thông thường vào lưu chất này trong nhiều tiếng đồng hồ để có được tính chất dễ dát mỏng.

Chúng ta có một bằng chứng sờ sờ ra trước mắt và sẵn có về những khả năng ấy. Một thông tín viên nguyên người nước ngoài thuộc Hội Thông Thiên Học, một nhà hành nghề y nổi tiếng, một người đã nghiên cứu khoa học huyền bí tới tận 30 năm, đã thành công trong việc thu lượm điều mà ông gọi là "chất dầu chân chính của vàng" nghĩa là nguyên tố bản sơ. Các nhà hóa học và vật lý học đã nhìn thấy và đã khảo sát nó, và bắt buộc phải thú nhận rằng họ cũng chẳng biết *bằng cách nào* mà thu hoạch được nó và họ cũng không làm được như thế. Chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi ông muốn giấu kín tên tuổi của mình; đôi khi sự chế nhạo và thành kiến của công luận còn nguy hiểm hơn tòa án tôn giáo thời xưa. "Chất đất của Adam" này cận kề ngay sát vách chất dung môi vạn năng, và là một trong những

bí mật quan trọng nhất của các nhà luyện kim đan. Không một môn đồ Kabala nào tiết lộ nó cho thế giới vì ông có diễn tả nó trong câu nói lóng nổi tiếng sau đây: "Nó sẽ giải thích được những *con chim ưng* của các nhà luyện kim đan, và cách 'cắt cụt cánh' những con chim ưng ấy"; đây là một bí mật mà Thomas Vaughan (Engenius Philalethes) phải mất 20 năm mới học được.

Giống như buổi bình minh của khoa học vật lý bùng ra thành ánh sáng thanh thiên bạch nhật chói lòa, cũng vậy các khoa học tâm linh hòa lẫn càng ngày càng sâu hơn vào đêm tối và đến lượt chúng lại bị chối bỏ. Cũng vậy, ngày nay các bậc thầy vĩ đại nhất về tâm lý học lại bị coi là "những vị tổ tiên dốt nát và mê tín dị đoan" chẳng khác nào những kẻ leo dây gây ám thị và những nhà ảo thuật vì thế đầy mặt trời học thức hiện đại ngày nay chiếu sáng lòa đến nỗi có một công lý tiền đề theo đó các triết gia và nhà khoa học thời xưa chẳng biết điều gì, và sống trong đêm đen mê tín dị đoan. Nhưng những kẻ vu khống quên mất rằng mặt trời ngày nay dường như tối đen so với cũng tinh cầu đó ngày mai cho dù điều đó có đúng hay chẳng; và cũng như những người thuộc thế kỷ chúng ta nghĩ rằng tổ tiên của mình là dốt nát; cũng vậy hậu duệ của họ có lẽ sẽ coi họ là *chẳng biết điều gì*. Thế giới đang vận động theo chu kỳ. Các giống dân sắp tới chẳng qua chỉ là mô phỏng lại các giống dân đã biến mất từ lâu rồi; cũng như có lẽ chúng ta là hình ảnh của những giống dân đã sống cách đây hằng trăm thế kỷ. Sẽ có lúc mà những kẻ giờ đây đang công khai nói xấu các môn đồ phái Hermes, nhưng lại âm thầm suy gẫm những quyển sách phủ đầy bụi của họ, để rồi đạo văn các ý tưởng của họ, đồng hóa chúng và biến các ý tưởng ấy thành ý tưởng của chính mình – những kẻ ấy rồi ra sẽ phải trả nợ. Pfaff đã thẳng thắn kêu lên "ai đâu đã từng được coi là có những quan điểm bao quát về thiên nhiên nhiều hơn Paracelsus? Ông là người dũng cảm sáng tạo ra các loại hóa dược, sáng lập nên những phe phái can đảm; chiến thắng những cuộc tranh cãi, thuộc về những đầu óc đã sáng tạo ra trong chúng ta một cách suy tư mới về sự tồn tại tự nhiên của các sự vật. Điều mà ông truyền bá qua những tác phẩm của mình bàn về điểm kim thạch, người lùn và các tinh linh trong hầm mỏ; bàn về các cung hoàng đạo, những người tí hon và thuốc trường sinh. Nhiều người đã dùng chúng để đánh giá thấp về ông; nhưng những điều đó không làm nhụt đi lòng biết ơn nhớ tưởng của chúng ta đối với các công trình của ông nói chung, cũng như lòng hâm mộ của chúng ta đối với những nỗ lực táo bạo, phóng khoáng của ông và sinh hoạt trí thức cao cả của ông" [1].

Có nhiều nhà bệnh lý học, nhà hóa học, nhà chữa bệnh vi lượng đồng căn, và nhà từ điển đã làm nguôi ngoai nỗi khát khao kiến thức của mình qua những sách vở của Paracelsus. Frederick Hufeland có được những học thuyết lý thuyết bàn về bệnh truyền nhiễm từ viên "lang băm" người trung cổ này (Sprengel đã hạ hê gọi như vậy cái người cao siêu hơn chính mình như thế đấy). Hemman (ông ra sức biện minh cho triết gia vĩ đại này và cố gắng chinh đốn lại kỷ niệm vì việc ông bị nói xấu) gọi ông là "nhà hóa học vĩ đại nhất đương thời" [2]. Giáo sư Molitor [3] và

[1] Tác phẩm "Chiêm tinh học" của Pfaff, Berlin.

[2] Các Tiểu luận về phẫu thuật Y khoa"

[3] "Triết lý Lịch sử"

Tiến sĩ Ennemoser, nhà tâm lý học lỗi lạc người Đức ^[1] cũng như vậy. Theo lời phê phán của họ về những công trình lao động của môn đồ phái Hermes này, Paracelsus là nhà trí thức “xuất sắc nhất đương thời”, một “thiên tài cao cả”. Nhưng ánh sáng hiện đại của ta giả định rằng mình còn biết nhiều hơn và những ý tưởng của môn đồ phái Hoa hồng Thập tự về các tinh linh ngũ hành, yêu tinh và qui lùn đã chìm vào cõi “u linh của pháp thuật” và chuyện thần tiên trong buổi thiếu thời ^[2].

Chúng ta đã hoàn toàn sẵn sàng thừa nhận cùng với kẻ đa nghi rằng một nửa (thậm chí còn hơn nữa) những điều dường như là hiện tượng phép lạ này chẳng qua chỉ là những trò lừa phỉnh ít nhiều tinh xảo. Những chuyện lật tẩy gần đây, nhất là về những đồng cốt “hiện hình” cũng đủ chứng tỏ quá nhiều sự kiện ấy. Chắc chắn là nhiều chuyện khác vẫn còn được dành sẵn và điều này sẽ tiếp tục cho đến khi những cuộc trắc nghiệm đã trở nên hoàn hảo và các nhà thần linh học đã trở nên có lý trí đến mức không còn cung cấp cơ hội cho những người đồng cốt hoặc cung cấp vũ khí cho các địch thủ.

Liệu những nhà thần linh học biết điều nghĩ gì về tính cách của những *thiên thần* hướng dẫn sau khi độc quyền chiếm dụng thời gian, sức khỏe và phương tiện của một người đồng cốt khổ khổ có lẽ trong nhiều năm lại thành linh bỏ rơi y khi y cần tới sự giúp đỡ của họ nhiều nhất? Chẳng có gì ngoại trừ đó là những tạo vật *không có linh hồn hoặc tán tận lương tâm* cho nên mới phạm tội bất công như thế. Tình huống ư? Chỉ là nguy hiểm thôi. Họ ắt là cái loại vong linh nào khi cần thiết mà lại không triệu tập được một đội quân vong linh bè bạn của mình (nếu có được như vậy) để lôi kéo người đồng cốt vô tội ra khỏi cái hố sâu được đào sẵn dưới chân y? Những điều đó đã xảy ra vào thời xưa và những điều đó cũng có thể xảy ra bây giờ. *Trước thời thần linh học hiện đại cũng đã có những chuyện hiện hình và trong mọi thời đại trước kia đều có những hiện tượng phép lạ giống như thời đại chúng ta.* Nếu những sự biểu lộ hiện đại là một thực tại và những sự kiện rành rành ra đó thì cái gọi là “các phép lạ” và chiến tích thần thông của thời xưa ắt cũng phải như vậy; hoặc nếu phép lạ chẳng qua chỉ là chuyện hư cấu mê tín dị đoan thì những sự biểu diễn thời nay ắt cũng phải như thế vì chúng đâu có dựa vào chứng cứ nào tốt hơn.

Nhưng trong cái dòng thác ngày càng gia tăng các hiện tượng huyền bí đổ xô từ đầu mút này tới đầu mút kia của quả địa cầu thì mặc dù 2/3 của những sự biểu diễn đều được chứng tỏ là giả mạo thể thì những cuộc biểu diễn được chứng tỏ là chân thực không thể nghi ngờ hoặc cãi bướng được sẽ ra sao? Trong số đó ta có thể thấy những sự giao tiếp thông qua các đồng cốt không chuyên nghiệp cũng

[1] Bàn về Theoph. Paracelsus – Pháp thuật.

[2] Trong quyển “Hóa Học Vô Cơ”, Kemshead có nói rằng vào thế kỷ thứ 16, Paracelsus lần đầu tiên nhắc tới nguyên tố *hydro*, nhưng người ta biết rất ít về nó” (trang 66). Và tại sao lại không thẳng thắn thú nhận ngay rằng Paracelsus là người *tái* phát hiện ra hydro cũng như ông là người *tái* phát hiện ra những tính chất ẩn tàng của nam châm và từ khí động vật. Ta cũng dễ dàng chứng tỏ được rằng tuân theo những lời thề nguyện giữ bí mật mà mọi môn đồ Hoa hồng Thập tự, (đặc biệt là nhà luyện kim đan) đều trung thành tuân thủ. Ông đã giữ kín kiến thức của mình. Có lẽ bất kỳ nhà hóa học nào am tường về các tác phẩm của Paracelsus đều tỏ ra chẳng khó khăn gì khi chứng tỏ được rằng khí oxy (người ta tin rằng Priestley đã phát hiện ra nó) đã được các nhà luyện kim đan Hoa hồng Thập tự biết rõ giống như khí hydro.

như chuyên nghiệp, họ vốn cao thượng và vĩ đại một cách thánh thiện. Thường thường thì thông qua lũ trẻ con ngây thơ và những người dốt nát ngớ ngẩn, chúng tôi nhận được những giáo huấn và huấn điều triết học, những bài diễn thuyết linh hứng, và thi ca, âm nhạc và hội họa vốn hoàn toàn xứng đáng với tên tuổi mà người ta gán cho tác giả của chúng. Những lời tiên tri của họ thường được nghiệm đúng và những khảo nghiệm của họ mang đầy hảo ý mặc dù về mặt đạo đức diễn ra hiếm hoi. Đây là những vong linh, những quyền năng hoặc sinh linh thông tuệ hiển nhiên là ở bên ngoài người đồng cốt chính hiệu và là các thực thể *tự thân*? Những *sinh linh thông tuệ* này đáng được gọi như thế; và chúng khác xa đa số âm ma và yêu tinh lờn vờn xung quanh phòng lên đồng biểu diễn trên cõi trần, khác xa như ngày khác đêm.

Chúng tôi phải thú nhận rằng tình hình dường như rất nghiêm trọng. Việc các "vong linh" dối trá và vô luân như thế thường xuyên kiểm soát các đồng cốt càng ngày càng trở nên phổ biến hơn; và những tác dụng độc hại của điều *dường như* là ma thuật thường xuyên tăng trưởng. Một số những đồng cốt tốt nhất đang từ bỏ diễn đàn công luận và rút lui khỏi ảnh hưởng của nó; phong trào thần linh học đang trôi dạt dờ về hướng nhà thờ. Chúng tôi đánh bạo tiên đoán rằng nếu các nhà thần linh học không khởi sự nghiên cứu triết học cổ truyền để học cách phân biệt các vong linh và ngăn ngừa các vong linh tồi tệ thì chỉ trong vòng 25 năm tới họ phải nhảy bổ tới nhóm đạo thánh thể của Công giáo La Mã để trốn tránh những vong linh "hướng dẫn" và "kiểm soát" mà họ đã si mê từ biết bao lâu nay. Những dấu hiệu của thảm họa này đã phơi bày ra rồi đấy. Trong một hội nghị gần đây ở Philadelphia người ta đã nghiêm túc đề nghị tổ chức một giáo phái Thần linh học Ki Tô giáo. Đó là vì sau khi đã triệt thoái ra khỏi nhà thờ và chẳng học được gì về triết lý của các hiện tượng phép lạ tức là bản chất của các vong linh, họ đang trôi nổi trên một biển cả bấp bênh giống như con tàu không có la bàn hoặc bánh lái. Họ không thể thoát khỏi thể tiến thoái lưỡng nan; họ phải chọn giữa Porphyry và Pio Nono.

Trong khi các nhà khoa học học chân chính như Wallace, Crookes, Wagner, Butlerof, Varley, Buchanan, Hare, Reichenbach, Thury, Perty, de Morgan, Hoffmann, Goldschmidt, W. Gregory, Flammarion, Sergeant Cox và nhiều người khác tin chắc vào nhiều phép lạ hiện hành thì nhiều người được nêu tên trên đây lại bác bỏ thuyết vong linh của người quá cố. Do đó, dường như cũng hợp lý thôi khi nghĩ rằng nếu "Katie King" ở Luân Đôn – *một điều nào đó* duy nhất đã hiện hình mà công chúng bắt buộc ít nhiều đã tin tưởng do tôn trọng khoa học – không phải là vong linh của một người đã chết thì đó ắt phải là hình bóng tinh anh đã được cô đặc lại của một trong các âm ma của phái Hoa hồng Thập tự (chỉ là điều hoang tưởng do mê tín dị đoan) hoặc là của một lực nào đó trong thiên nhiên cho đến nay chưa ai giải thích được. Tuy nhiên cho dù nó là "vong linh còn khỏe mạnh hay yêu quái bị nguyên rủa" thì cũng chẳng quan trọng bao nhiêu; vì một khi người ta đã chứng tỏ được rằng cơ thể của nó không phải làm bằng chất đặc thì nó ắt phải và nhất định là một "vong linh", một sự hiện hình, một *thần khí*. Đó là một sinh linh thông tuệ hoạt động bên ngoài cơ thể ta và do đó nó phải thuộc về một giống sinh linh nào đó đang tồn tại cho dù chưa ai nhìn thấy. Nhưng nó là cái gì

vậy? Cái điều gì đó vốn biết suy nghĩ và thậm chí nói năng nữa, thế nhưng không phải là con người; chẳng ai sờ mó thấy nó thế nhưng đó không phải là một vong linh đã thoát xác; nó giả vờ yêu thương, đam mê, hối hận, sợ sệt, vui mừng nhưng thật ra có xúc cảm chi đâu; nó là cái gì vậy? Cái tạo vật giả nhân giả nghĩa vốn lấy làm thích thú khi lừa gạt được người điều tra trung thực và chế nhạo xúc cảm thiêng liêng của con người, nó là cái gì vậy? Đó là vì nếu không có Katie King của ông Crookes thì những tạo vật tương tự cũng làm được chỉ chuyện như thế. Ai có thể thăm dò được điều bí mật này? Chỉ có nhà tâm lý học chân chính thôi. Và liệu y phải đi tìm những quyển sách giáo khoa của mình ở đâu nếu không phải là ở những hốc xó xinh bị bỏ lơ trong tủ sách nơi mà tác phẩm bị khinh bỉ của các môn đồ Hermes và nhà thông thần đã bị phủ bụi trong nhiều năm nay.

Khi trả lời một câu đả kích của một kẻ đa nghi thời đó tên là Webster nhằm vào những người tin tưởng các hiện tượng tâm linh và pháp thuật, Henry More (môn đồ phái Plato được kính trọng, người Anh) có nói rằng ^[1]: “Con về phần cái ý kiến khác mà đa số những nhà cải cách thiêng liêng chủ trương theo đó chính Ma quỷ xuất hiện dưới dạng Samuel thì người ta không buồn khinh thường ý kiến ấy. Đó là vì mặc dù tôi không hoài nghi nhiều sự xuất hiện trong các buổi chiêu hồn này, coi đó là *những vong linh đùa nghịch chứ không phải vong hồn của người quá cố trở lại*, song tôi tin chắc rằng linh hồn của Samuel có xuất hiện cũng xác tín như trong những buổi chiêu hồn khác; theo như Porpyrius mô tả trên kia, có thể các loại vong linh ấy biến đổi thành ra thiên hình vạn trạng, ba hồi thì đóng vai ma quỷ, ba hồi thì đóng vai thiên thần hoặc chư thiên và ba hồi đóng vai *vong linh của người quá cố*. Và tôi thú nhận rằng một vong linh như thế có thể là *hiện thân* của Samuel ở đây vì bất chấp mọi thứ mà Webster viện dẫn ngược lại, lập luận của ông thật ra hết sức yếu ớt và lúng túng”.

Khi nhà siêu hình học và triết gia tầm cỡ như Henry More mà đưa ra chứng cứ như thế thì chúng tôi có thể yên tâm giả sử rằng người ta đã nghiêm chỉnh cứu xét quan điểm của chúng tôi. Các nhà bác học khảo cứu vốn nói chung là rất nghi ngờ về các vong linh và nói riêng là nghi ngờ “vong hồn của người đã quá cố” thì trong vòng 20 năm vừa qua đã moi óc chế ra những tên gọi mới dành cho một sự vật xưa cũ. Như vậy đối với ông Crookes và Sergeant Cox thì đó là “lực tâm linh”. Giáo sư Thury ở Geneva gọi nó là chất “psychode” tức lực *ngoại lai*; Giáo sư Balfour Stewart gọi nó là “năng lượng điện sinh học”; Faraday, “bậc thầy vĩ đại về triết lý thực nghiệm trong vật lý học”, nhưng xét theo biểu kiến là một kẻ sơ cơ về tâm lý học ngạo mạn gọi nó là một “tác động cơ bắp vô ý thức”, “một tác động trí não vô ý thức” và còn gì nữa? Ngài William Hamilton gọi nó là một “tư tưởng tiềm tàng”; Tiến sĩ Carpenter gọi nó là “nguyên lý động cơ thúc đẩy của ý tưởng” v.v. . . Có bao nhiêu nhà khoa học thì có bấy nhiêu tên gọi.

[1] “Thư gửi J. Glanvil, cha tuyên úy của quốc vương và hội viên Hội Hoàng Gia”. Glanvil là tác giả của tác phẩm nổi tiếng về Ma hiện hình và Ma quỷ học tựa đề là “Chiến thắng loài phù thủy, tức là bằng chứng trọn vẹn và rành rành về các phù thủy và thuật hiện hình”, bao gồm hai phần, “một phần được chứng tỏ bằng Thánh kinh còn một phần bằng sự tuyển lựa những mối quan hệ hiện đại về sự tồn tại có thật của các sự kiện ma hiện hình, vong linh và phù thủy”, năm 1700.

Cách đây nhiều năm, triết gia của nước Đức cổ xưa, Schopenhauer đã giải quyết lực và vật chất cùng một lúc; và từ khi ông Wallace cải đạo thì nhà nhân loại học vĩ đại hiển nhiên đã chọn theo các ý tưởng đó. Theo học thuyết của Schopenhauer thì vũ trụ chẳng qua chỉ là sự biểu lộ của ý chí. Mọi lực trong thiên nhiên cũng chỉ là một tác dụng của ý chí, biểu diễn một mức độ cao hoặc thấp tính cách ngoại giới của ý chí. Đó là giáo huấn của Plato (ông nêu rõ rằng mọi vật hữu hình đều được sáng tạo hoặc tiến hóa ra từ Ý CHÍ vĩnh hằng và vô hình, theo dạng thức của ý chí). Cõi Trời của ta, theo ông được tạo ra dựa vào khuôn mẫu vĩnh hằng của "Thế giới Ý niệm" vốn được bao hàm trong hình khối 12 mặt (mô hình kỳ hà của Đấng thiêng liêng sử dụng) giống như mọi thứ khác nữa ^[1]. Theo Plato, Bản thể Nguyên sơ là phân thân của Trí tuệ Hóa công (*Nous*) vốn chứa đựng từ thời gian vĩnh hằng cái "ý tưởng" về "thế giới được tạo tác" ra và ngài tạo ra ý tưởng đó từ bản thân mình ^[2]. Những định luật của thiên nhiên là những hệ thức đã được xác lập của ý niệm này đối với những hình thức biểu lộ của nó. Schopenhauer có nói: "Những hình thức này là thời gian, không gian và tính nhân quả. Trải qua thời gian và không gian, ý niệm biến thiên với vô vàn biểu lộ".

Những ý niệm này đâu có gì là mới và ngay cả đối với Plato thì chúng cũng chẳng hề tân kỳ. Chúng ta đọc thấy điều sau đây trong tác phẩm *Sấm truyền của người Chaldea* ^[3]: "Những công trình của thiên nhiên cùng tồn tại với Ánh sáng tri thức, tâm linh của ngôi Cha. Đó là vì chính linh hồn tô điểm cho cõi trời vĩ đại và tô điểm nó theo Cha trời".

Philo có nói ^[4] (người ta đã sai lầm khi buộc tội ông là rút ra triết lý mình từ triết lý của Plato): "Vậy thì thế giới vô hình đã được hoàn tất và được đặt vào trong Lý trí của Thượng Đế"

Trong *Thần phổ* của Mochus, chúng ta thấy trước hết là Hậu thiên khí (*Æther*) rồi tới phong (air) Ulom – Thượng Đế mà ta có thể hiểu được tức là vũ trụ vật chất hữu hình sinh ra từ hai nguyên khí nêu trên ^[5].

Trong các bài thánh ca của phái Orpheus, Eros Phanes tiến hóa ra từ Trứng Tâm linh, có thắm nhuần Gió tinh anh Hậu thiên khí, Gió ^[6] là "thần khí của Thượng Đế", nghe nói Ngài vận động trong Hậu thiên khí, "ưu tư bên trên Hồn mang" tức là "Ý chí" Thiêng liêng. Trong *Katakopanisād* của Ấn Độ, Purusha tức Tinh thần Thiêng liêng đã đứng trước vật chất nguyên thủy rồi, từ sự hợp nhất này mới nảy sinh ra đại Hồn của Thế giới, "Maha=Atma, Brahm, Chơn linh Nguồn sống" ^[7], các tên gọi ấy đồng nhất với tên gọi Hồn Vũ Trụ tức *Anima Mundi* và Ánh sáng Tinh tú của các nhà thông thần và môn đồ kinh Kabala.

Pythagoras tiếp nhận học thuyết của mình từ các thánh điện Đông phương, còn Plato biên soạn chúng ra một dạng dễ hiểu hơn thành ra những con số thần bí của bậc hiền triết (ông đã hoàn toàn chọn theo học thuyết của Pythagoras) đối với

[1] Plato: "Timæus Soerius", trang 97.

[2] Xem "Những lời giải thích" của Movers, trang 268.

[3] Cory: "Sấm truyền của người Chaldea", trang 243.

[4] Philo Judæus: "Bàn về sự Sáng tạo", x.

[5] Movers: "Phoinizer", trang 282.

[6] K. O. Müller, trang 263.

[7] Weber: "Akad. Vorles", trang 213-214 v.v. . .

đầu óc của kẻ chưa được điểm đạo. Như vậy đối với Plato, *Càn Khôn* chính là “Ngôi Con” mà cha mẹ của nó là Tư Tưởng Thiêng Liêng và Vật Chất Thiêng Liêng^[1].

Dunlap có nói ^[2] : “Người Ai Cập phân biệt Horus già với Horus trẻ, Horus già là *anh em* của Osiris, còn Horus trẻ là *con trai* của Osiris và Isis”. Horus già là *Ý niệm* về thế giới vẫn còn lại trong Tâm trí của đấng Hóa công, “được sinh ra trong đêm tối trước khi thế giới được sáng tạo ra”. Horus thứ nhì là “Ý niệm” này xuất phát từ *Ngôi Lời* và đã khoác lấy vật chất, có được sự tồn tại đúng thực ^[3].

Sấm truyền của người Chaldea có nói: “Thượng Đế trần tục, vĩnh hằng, vô biên, trẻ và già, có dạng uốn éo” ^[4].

“Dạng uốn éo” này là một hình thái tu từ để diễn tả sự rung động của Ánh sáng Tinh tú mà các lễ sư ngày xưa hết sức quen thuộc, mặc dù họ có quan niệm khác với chất ether của các nhà khoa học hiện đại; đó là vì họ đặt vào Hậu thiên khí ấy cái Ý niệm Vĩnh hằng vốn thấm nhuần Vũ trụ tức là *Ý chí* trở thành *Lực* và sáng tạo ra hoặc tổ chức *vật chất*.

Van Helmont có nói: “Ý chí là quyền năng đầu tiên trong mọi quyền năng. Đó là vì thông qua ý chí của đấng Sáng tạo, người ta tạo ra vạn vật và làm cho chúng chuyển động . . . Ý chí là thuộc tính của mọi sinh linh tâm linh và càng bộc lộ tích cực nơi những sinh linh này khi sinh linh ấy giải thoát ra khỏi vật chất”. Paracelsus – ông được gọi là “đấng thiêng liêng” – có nói thêm với cùng một giọng điệu: “*Đức tin*” phải xác nhận óc tưởng tượng vì đức tin xác lập *ý chí* . . . Ý chí quyết tâm là khởi đầu của mọi thao tác pháp thuật . . . Vì người ta không tưởng tượng được hoàn chỉnh và tin tưởng hết mình vào kết quả cho nên pháp thuật mới bấp bênh trong khi lẽ ra thì chúng phải hoàn toàn chắc chắn”.

Chỉ cần một năng lực đối kháng là không tin và đa nghi, nếu được phóng chiếu thành một dòng có cường độ lực tương đương thì có thể kềm chế được dòng năng lượng kia và đôi khi hoàn toàn hóa giải được nó. Tại sao các nhà thần linh học lại lấy làm lạ khi sự hiện diện của một số kẻ đa nghi hoặc những người cảm thấy cay đắng chống lại hiện tượng phép lạ, vô ý thức vận dụng quyền năng ý chí của mình chống lại nó, ắt cản trở và thường chặn đứng hoàn toàn được những pha trình diễn? Nếu không có một quyền năng *hữu thức* nào trên trần thế đôi khi thấy một quyền năng khác can thiệp vào hoặc thậm chí hóa giải được mình thì tại sao ta phải lấy làm lạ khi quyền năng thụ động *vô ý thức* của một người đồng cốt lại thành linh có những tác dụng bị tê liệt do một quyền năng chống đối khác, mặc dù nó cũng được vận dụng một cách vô ý thức? Các giáo sư Faraday và Tyndall khoe khoang rằng sự hiện diện của họ ở một buổi lên đồng chặn đứng ngay tức khắc mọi pha trình diễn. Chỉ nội sự kiện này không thôi cũng chứng tỏ cho các nhà khoa học lỗi lạc thấy rằng trong những hiện tượng phép lạ này có một lực nào đó đáng cho họ quan tâm. Với vai trò là một nhà khoa học, giáo sư Tyndall có lẽ nổi bật lên trong nhóm người lên đồng; với vai trò là một nhà quan sát sáng trí, một người chẳng dễ gì bị lừa gạt bởi một người đồng cốt đầy thủ đoạn, cho dù có khéo léo thì

[1] Plutarch: “Isis và Osiris”, i, vi.

[2] “Lịch sử về Vong linh của Con người”, trang 88.

[3] Movers: “Phoinizer”, trang 268.

[4] Cory: “Các mảnh vụn”, trang 240.

có lẽ y chẳng hay ho gì hơn những người khác có mặt trong phòng và nếu những pha trình diễn chẳng qua chỉ là trò lừa bịp khéo léo đến nỗi gạt gẫm được người khác thì những pha đó việc gì phải dừng lại cho dù có vì lợi ích của *ông* đi chăng nữa. Có người đồng cốt nào dám khoe khoang những hiện tượng phép lạ mà Chúa Giê su (và sau này là thánh tông đồ Paul) đã tạo ra? Thế nhưng ngay cả Chúa Giê su cũng gặp những trường hợp lực chống đối vô ý thức đã thắng được ngay cả dòng ý chí được điều khiển rất khéo léo của chính ngài. "Và ngài không làm được nhiều công trình vĩ đại ở đó chỉ vì họ không tin".

Người ta có suy gẫm về mọi quan điểm này trong triết lý của Schopenhauer. Các nhà khoa học "khảo cứu" có thể tham khảo tác phẩm của ông rất có ích lợi. Họ ắt thấy trong đó có nhiều giả thuyết kỳ lạ dựa vào các ý tưởng cổ xưa, các suy đoán về những hiện tượng "mới" vốn có thể tỏ ra là hợp lý như bất kỳ hiện tượng nào khác khiến cho họ đỡ mất công vô ích sáng chế ra những thuyết mới. Các lực thông linh và lực ngoại lai, các quyền năng "động cơ thúc đẩy ý niệm" và "năng lượng điện sinh học", các thuyết về "tư tưởng tiềm tàng" và ngay cả "tác động trí não vô ý thức" đều có thể cô đọng trong từ ngữ: ÁNH SÁNG TINH TÚ của môn đồ kinh Kabala.

Trong tác phẩm của Schopenhauer có trình bày các ý kiến và thuyết táo bạo khác xa ý kiến của đa số nhà khoa học chính thống. Nhà suy đoán liều mạng này nhận xét; "thực ra chẳng có *vật chất* mà cũng chẳng có *tinh thần*. Việc hòn đá có khuynh hướng rớt xuống theo luật trọng trường cũng giống như tư tưởng trong óc người . . . Nếu vật chất có thể – có ai biết tại sao đâu – rơi xuống đất thì nó cũng có thể – có ai biết tại sao không – suy nghĩ . . . Ngay cả trong cơ học, ngay khi ta vượt quá mức toán học thuần túy, ngay khi ta đạt tới sức kết dính và lực trọng trường khôn dò v.v. . . thì ta cũng giáp mặt với những hiện tượng mà các giác quan của ta cho là bí nhiệm giống như Ý CHÍ và TƯ TƯỞNG nơi con người – ta thấy mình đương đầu với điều không thể hiểu nổi vì mọi lực trong thiên nhiên đều không thể hiểu nổi. Thế thì cái *vật chất* mà bạn cứ giả vờ cho rằng mình biết rất rõ và do đó vì quá quen thuộc với nó cho nên bạn rút ra đủ mọi kết luận và lời giải thích, gán đủ chuyện cho vật chất ấy, cái vật chất ấy là như thế nào nhỉ? Điều mà bạn có thể nhận thức trọn vẹn bằng lý trí và các giác quan thì chẳng qua hơi hợt thôi, giác quan và lý trí chẳng bao giờ đạt tới được bản chất chân thực ở bên trong của vạn vật. Kant có ý kiến như thế. Nếu bạn cho rằng trong đầu người có một loại *ý thức tinh thần* nào đó thì bạn cũng bắt buộc phải thừa nhận điều đó đối với một tảng đá. Nếu cái vật chất cực kỳ thụ động và chết lạng của bạn mà có thể biểu lộ được khuynh hướng hấp dẫn trọng trường hoặc hút và đẩy giống như điện rồi phóng ra các tia lửa điện thì nó cũng có thể suy nghĩ giống như bộ óc vậy.

Tóm lại ta cũng có thể thay thế mọi hạt của cái gọi là tinh thần bằng một hạt vật chất tương đương và thay thế mọi hạt vật chất bằng một hạt tinh thần tương đương . . . Như vậy Descartes phân chia vạn vật ra thành vật chất và tinh thần chẳng bao giờ tỏ ra là chính xác về mặt triết học; nhưng nếu chúng ta chia chúng thành ra *ý chí* và *sự biểu lộ* (cách phân chia này không dính dáng gì cách phân chia thành vật chất và tinh thần) vì nó làm cho vạn vật trở nên tâm linh hóa: mọi

thứ thoát tiên là có thực thuộc ngoại giới – tức là vật thể và vật chất – bị nó biến hóa thành ra một biểu diễn và mọi sự biểu lộ biến thành ý chí” [1].

Quan niệm này bổ chứng cho điều mà ta đã diễn tả về đủ thứ tên gọi dành cho cùng một sự vật. Những kẻ tranh cãi chỉ khẩu chiến về ngôn từ thôi. Cho dù người ta gọi các hiện tượng phép lạ ấy là lực, năng lượng, điện hoặc từ, ý chí hoặc quyền năng tinh thần, thì nó bao giờ cũng là sự biểu lộ riêng phần của *linh hồn*, cho dù đã thoát xác hay bị giam cầm trong cơ thể một lúc nào đó – đó là một bộ phận của cái Ý CHÍ thông tuệ cá biệt và toàn năng, thấm nhuần trọn cả thiên nhiên được ta biết là THƯỢNG ĐẾ do ngôn ngữ của loài người còn thiếu sót nên không diễn tả chính xác được các ảnh tượng tâm lý.

Ý niệm của một số nhà triết học kinh viện về vật chất ắt sai lầm nhiều mặt khi xét theo quan điểm của môn đồ kinh Kabala. Hartmann gọi quan niệm của họ là một “thành kiến theo *bản năng*”. Hơn nữa, ông chứng tỏ được rằng không một nhà thực nghiệm nào có thể làm được gì dính dáng tới vật chất chính hiệu mà chỉ giao tiếp với các lực do vật chất phân chia thành. Tác dụng hữu hình của vật chất chẳng qua chỉ là tác dụng của lực. Do đó ông kết luận rằng điều mà giờ đây ta gọi là vật chất chẳng qua chỉ là khối tập hợp các lực nguyên tử mà người ta dùng từ *vật chất* để diễn đạt: ngoài điều đó ra thì vật chất chẳng qua chỉ là một từ vô nghĩa đối với khoa học. Mặc dù có nhiều lời thú nhận thẳng thắn của các chuyên gia – nhà vật lý học, sinh lý học và hóa học – theo đó họ chẳng biết tí gì về vật chất [2], song họ vẫn thần thánh hóa vật chất. Mọi hiện tượng mới mà họ thấy mình không thể giải thích được đều bị nghiền nát ra, vo viên chế thành nhang để đốt trên bàn thờ của nữ thần bảo trợ cho các nhà khoa học hiện đại.

Chẳng ai bàn về đề tài này hay hơn Schopenhauer trong tác phẩm *Parerga*. Trong tác phẩm này ông bàn dông dài về từ khí động vật, thần nhãn, phép chữa bệnh đồng cảm, thuật thấu thị, pháp thuật, những điềm báo trước, thấy ma và những vấn đề tâm linh khác. Ông bảo rằng: “Tất cả mọi biểu hiện này đều là nhánh nhóc của cùng một cái cây và cung cấp cho ta những bằng chứng không chối bỏ được về sự tồn tại của một chuỗi sinh linh vốn dựa trên một trật tự tạo vật khác hẳn so với thiên nhiên đặt nền tảng trên các định luật về không gian, thời gian và sự thích ứng. Trật tự sự vật khác biệt này vốn sâu sắc hơn nhiều vì đó là trật tự nguyên thủy và trực tiếp; khi nó có mặt thì những định luật thông thường của thiên nhiên (vốn chỉ là hình thức) đâm ra vô hiệu lực; do đó khi nó tác động trực tiếp thì thời gian và không gian chẳng còn có thể ngăn cách được bất kỳ cá thể nào nữa và sự ngăn cách cố hữu nơi các hình tượng ấy không còn tạo ra những hàng rào không vượt qua nổi đối với sự giao tiếp bằng tư tưởng và tác động trực tiếp của ý chí. Bằng cách này người ta có thể tạo ra mọi thay đổi theo một lộ trình khác hẳn lộ trình của tính nhân quả vật lý nghĩa là tác động qua sự biểu lộ ý chí thể hiện một cách đặc thù bên ngoài chính cá thể. Vì vậy tính cách đặc thù của mọi sự trình diễn nêu trên chính là việc *nhìn thấy và tác động từ xa* trong quan hệ với thời gian cũng như quan hệ với không gian. Một tác động từ xa như thế chính là điều tạo thành tính cách căn bản của cái gọi là *pháp thuật*; vì đó chính là tác động trực tiếp

[1] “Parerga”, ii, trang 111-112.

[2] Xem Huxley: “Cơ sở Vật lý của Sự Sống”.

của ý chí ta, một tác động thoát khỏi quan hệ nhân quả qua tác động vật lý nghĩa là do tiếp xúc”.

Schopenhauer tiếp tục: “Ngoài điều đó ra, những pha trình diễn ấy còn cung cấp cho ta một cơ sở xác thực và hoàn toàn hợp lý để chống lại thuyết duy vật và ngay cả thuyết tự nhiên nữa vì theo sự minh giải của pha trình diễn ấy thì cái trật tự sự vật trong thiên nhiên (mà cả hai triết lý nêu trên đều tìm cách trình bày là tuyệt đối chân thực duy nhất) hiện ra trước mắt ta trái lại chỉ thuần túy mang tính hiện tượng và hời hợt, nó chứa đựng ngay dưới đáy của mình một bản thể sự vật *riêng rẽ* và hoàn toàn độc lập với những định luật của chính nó. Chính vì thế mà tại sao những pha trình diễn này – ít ra thì cũng theo một quan điểm thuần túy triết học – là vượt ngoài tầm bất kỳ sự so sánh quan trọng nhất nào trong số mọi sự kiện được trình bày cho ta trong địa hạt thực nghiệm. Vì vậy bốn phận của mọi nhà khoa học là phải làm quen với những pha trình diễn ấy”.

Thật là hoài công khi chuyển từ suy đoán triết học của một người như Schopenhauer sang những tổng quát hóa hời hợt của một số Hàn lâm viện sĩ Pháp ngoại trừ sự kiện khó khăn khiến cho ta có thể ước lượng được khả năng lĩnh hội trí thức của hai trường phái học thuật. Chúng ta đã thấy người Đức trình bày các thắc mắc tâm lý sâu sắc ra sao. Ta hãy so sánh với thuyết tốt nhất mà nhà thiên văn học Babinet và nhà hóa học Boussingault có thể nêu ra bằng cách giải thích một hiện tượng thần linh học quan trọng. Vào năm 1854 – 1855, các chuyên gia xuất sắc này có đệ trình cho Hàn lâm viện một *kỷ yếu* hoặc chuyên khảo mà mục đích rõ ràng là bổ chứng đồng thời minh giải thêm cái thuyết quá phức tạp của Tiến sĩ Chevreuil nhằm giải thích về cái bàn xoay do ủy ban khảo cứu mà ông ta là một thành viên nêu ra.

Sau đây là *nguyên văn*:

“Về phần những chuyển động và dao động được *gán cho* là đã xảy ra đối với một vài cái bàn, chúng không thể có nguyên nhân nào khác hơn là những rung động *vô hình* và vô ý thức của cơ bắp thuộc nhà thực nghiệm; việc các cơ co lại và duỗi ra biểu lộ vào lúc đó do một loạt các rung động và như vậy trở thành *một sự run rẩy hữu hình* vốn truyền cho sự vật một chuyển động tròn xoay. Như vậy chuyển động xoay này có thể được biểu lộ với một năng lượng đáng kể qua việc dần dần chuyển động nhanh hơn hoặc mạnh mẽ chống lại bất cứ khi nào người ta cần dừng lại, vì thế cho nên cách giải thích vật lý về hiện tượng này trở nên rõ ràng và không gây ra sự khó khăn chút xíu nào ^[1].

Tuyệt nhiên không. Giả thuyết khoa học này – hoặc liệu ta có nên gọi là sự chứng minh – cũng rõ ràng như trong một tinh vân của ông Babinet được khảo sát vào một đêm đầy sương mù.

Và cho dù nó có thể vẫn còn minh bạch thì nó vẫn thiếu một đặc điểm quan trọng đó là óc phân biệt phải trái thông thường. Chúng ta cũng lúng túng khi quyết định xem liệu trong khi *thất vọng với chính nghĩa*. Ông Babinet có chấp nhận hay chẳng đề xuất của ông Hartmann theo đó các *“tác dụng hữu hình của vật chất* chẳng qua chỉ là các *tác dụng của lực*”. Và để có được một quan niệm minh bạch

[1] Schopenhauer, tác phẩm “Parerga”, bài viết về “Ý chí trong Thiên nhiên”.

về vật chất thì trước hết người ta phải quan niệm được rõ rệt về lực. Triết thuyết mà trường phái của ông Hartmann thuộc về đó, đã được nhiều nhà khoa học vĩ đại nhất người Đức chấp nhận phần nào, có dạy rằng ta chỉ có thể giải quyết được vấn đề vật chất bằng cái Lực vô hình mà để làm quen với nó. Schopenhauer đã gọi nó là "kiến thức pháp thuật" và "tác dụng pháp thuật hoặc tác dụng Ý chí". Như thế trước hết ta phải nhận biết liệu "những rung động vô ý thức thuộc hệ cơ bắp của nhà thực nghiệm"(vốn chẳng qua chỉ là các "tác dụng của vật chất") có liệu ảnh hưởng của một ý chí *bên trong* hoặc *bên ngoài* nhà thực nghiệm hay chẳng. Trong trường hợp ý chí ở bên trong thì Babinet biến người ta thành một kẻ động kinh vô ý thức; còn trong trường hợp ý chí ở bên ngoài (ta sẽ thấy điều này thêm nữa) ông lại bác bỏ hoàn toàn và gán mọi câu trả lời thông minh của những cái bàn được gõ nhẹ hoặc vỗ nhẹ là do "thuật truyền âm nhập mật vô ý thức".

Chúng ta biết rằng mọi việc vận dụng ý chí đều có kết quả là *thần lực* và theo trường phái Đức nêu trên thì những biểu lộ của lực nguyên tử đều là các tác động cá thể của ý chí với kết quả là các nguyên tử vô ý thức ùa vào trong hình ảnh cụ thể mà ý chí đã sáng tạo ra rồi trong nội giới. Democritus phỏng theo huấn sư của mình là Leucippus có dạy rằng những nguyên thể đầu tiên của vạn vật bao hàm trong vũ trụ đều là nguyên tử và *chân không*. Theo nghĩa của kinh Kabala thì về phương diện này *chân không* có nghĩa là Thượng Đế *ẩn tàng*, tức lực tiềm tàng mà khi biểu lộ lần đầu tiên ắt trở thành Ý CHÍ, và như vậy truyền xung lực đầu tiên cho nguyên tử này – khối tập hợp các nguyên tử ấy chính là vật chất. Chân không chẳng qua chỉ là một tên gọi khác của hỗn mang và là một tên gọi không thỏa đáng vì theo học thuyết Tiêu dao thì "thiên nhiên ghê sợ chân không".

Các dụ ngôn và đủ thứ sự kiện khác chứng tỏ rằng trước thời Democritus cổ nhân đã quen thuộc với ý niệm về tính bất diệt của vật chất. Movers trình bày định nghĩa thuộc ý niệm của người Phoenicia, theo đó ánh sáng mặt trời lý tưởng là một tác dụng tâm linh xuất phát từ THẦN LINH cao nhất là IAO, "ánh sáng chỉ có thể quan niệm được bằng trí năng – Nguyên thể vật lý và tâm linh của vạn vật; linh hồn vốn phân thân từ nguyên thể ấy". Đó là Bản thể dương, tức Minh triết, trong khi vật chất nguyên sơ tức *Hỗn mang* là âm. Như thế, hai nguyên khí đầu tiên vốn cùng vĩnh hằng và vô hạn đã tồn tại rồi đối với những người Phoenicia nguyên thủy, đó là tinh thần và vật chất. Vì vậy thuyết này cũng xưa như trái đất; do Democritus không phải là triết gia đầu tiên giảng dạy về nó; và trực giác tồn tại nơi con người trước khi cuối cùng y phát triển được lý trí. Nhưng sự bất lực của mọi khoa học duy vật trong việc giải thích các hiện tượng huyền bí chính là vì nó chối bỏ một Thực thể vô biên và vô tận vốn có cái Ý CHÍ vô hình mà chúng ta gọi là THƯỢNG ĐẾ vì thiếu một từ hay hơn. Chính vì bác bỏ *một cách tiên nghiệm* mọi điều ắt buộc họ phải vượt qua biên giới của khoa học chính xác và bước vào địa hạt tâm lý học hoặc (nếu ta muốn có thể gọi là sinh lý học siêu hình) cho nên chúng tôi mới thấy nguyên nhân bí mật của việc họ lúng túng đối với các pha trình diễn và những thuyết phi lý của họ để giải thích về các pha này. Triết lý cổ truyền khẳng định rằng do hậu quả của việc biểu lộ Ý CHÍ đó – mà ta gọi là *Ý niệm Thiêng liêng* – cho nên vạn vật hữu hình và vô hình mới tồn tại được. Còn về phần cái Ý niệm Thông tuệ khi điều khiển quyền năng ý chí duy nhất của mình hướng vào

một trung tâm lực định xứ, nó có thể khiến cho các hình tượng nơi ngoại giới tồn tại được; cũng như vậy, con người vốn là tiểu thiên địa của Đại vũ trụ cũng làm như vậy tỉ lệ với sự phát triển quyền năng ý chí của mình. Các nguyên tử tưởng tượng – một hình thái tu tử mà Democritus sử dụng đã bị các nhà duy vật khoan khoái chộp lấy – cũng giống như những công nhân tự động được điều khiển từ bên trong do luồng lưu nhập của cái Ý chí Vũ trụ điều khiển lên trên chúng. Kế hoạch về cấu trúc phải được dựng nên vốn có trong trí óc của Kiến trúc sư và phản ánh ý chí của y; cho đến nay vẫn còn trừu tượng từ khi được quan niệm ra, nó trở nên cụ thể thông qua những nguyên tử vốn trung thành đi theo mọi đường, điểm và hình vẽ được vạch ra trong trí tưởng tượng của nhà Hình học Thiêng liêng.

Thượng Đế sáng tạo ra sao thì con người cũng có thể sáng tạo như thế ấy. Nếu cho sẵn một cường độ ý chí nào đó thì các hình dạng mà tâm trí sáng tạo ra sẽ thuộc về nội giới. Chúng được gọi là ảo giác mặc dù đối với người sáng tạo ra chúng thì chúng cũng có thực giống như bất kỳ sự vật hữu hình nào đối với bất cứ người nào khác. Nếu cho sẵn một sự tập trung thông tuệ và cật lực hơn của ý chí này thì hình tượng ấy trở nên cụ thể, hữu hình thuộc ngoại giới; con người đã học được điều bí mật của mọi sự bí mật, y trở thành một PHÁP SƯ.

Nhà duy vật ắt không phản đối lập luận này vì y coi tư tưởng là vật chất. Khi thừa nhận như thế thì cái cơ chế tinh xảo mà nhà phát minh nghĩ ra; những tình huống thần tiên nảy sinh ra trong đầu óc của thi sĩ, bức tranh sắc sỡ mà óc tưởng tượng của họa sĩ phác họa ra, pho tượng vô song mà nhà điêu khắc chạm trổ trong chất dĩ thái, dinh thự và lâu đài mà kiến trúc sư xây dựng ở trên không trung – tất cả những thứ này mặc dù vô hình và thuộc nội giới đều phải tồn tại vì chúng là vật chất đã được định hình và uốn nắn. Vậy thì ai dám bảo không có một số người với ý chí bất khuất đến nỗi có thể lôi kéo những sự tưởng tượng từ trên không trung này cho hiện hình ra được, bao bọc trong lớp vỏ rắn chắc của chất liệu thô trước khiến cho ta thấy rõ được chúng?

Nếu các nhà khoa học Pháp không gạt hái được thành công trong địa hạt khảo cứu mới mẻ thì ta có thể làm được gì hơn nữa ở Anh, cho tới ngày mà ông Crookes hiến mình để chuộc tội cho tội lỗi của đoàn thể các nhà bác học? Tại sao ông Faraday cách đây 20 năm lại thực sự hạ mình để người ta có nói một hoặc hai lần tới ông bàn về đề tài này. Faraday có tên tuổi được những kẻ chống thần linh học nêu lên trong mọi cuộc thảo luận về hiện tượng này coi như một loại uy tín khoa học chống đối cặp mắt gian tà của Thần linh học; Faraday đã "xấu hổ" vì công bố những cuộc khảo cứu về một tín ngưỡng ô nhục như thế, giờ đây có đủ thẩm quyền để chẳng bao giờ tự thân mình ngồi nơi một cái bàn được gỗ nhẹ như thế! Chúng ta chỉ cần giở ra một vài số báo tản mạn của Tạp chí *Các cuộc Thảo luận* được xuất bản trong khi một người đồng cốt nổi tiếng xứ Tô cách lan còn đang ở nước Anh thì cũng đủ nhớ lại những diễn biến đã qua khi chúng còn mới tinh khôi. Trong một số báo này, Tiến sĩ Foucault ở Paris xuất hiện là kẻ bệnh vực cho nhà thực nghiệm lỗi lạc người Anh. Ông bảo rằng: "Đừng có tưởng tượng mà hãy cầu xin rằng nhà vật lý vĩ đại đã từng hạ mình để ngồi buồn tẻ nơi cái bàn biết nhảy nhồm ấy". Thế rồi ở đâu ra cặp má ửng hồng vì "thẹn thùng" của vị "Cha đẻ Triết lý Thực nghiệm"? Khi nhớ tới sự kiện này thì giờ đây ta mới khảo sát bản chất "Đấng Chỉ đạo" mỹ lệ

của Faraday, là kẻ phi thường “Bắt được người đồng cốt” mà ông đã sáng chế ra để dò tìm sự lừa bịp của giới đồng cốt. Cái cỗ máy phức tạp ấy (cứ nhớ tới nó thì những người đồng cốt bất lương cũng đủ bị ám ảnh bởi những cơn ác mộng khi nằm mơ) được mô tả tỉ mỉ trong quyển *Vấn đề các Vong linh* của Bá tước de Mirville.

Để chứng tỏ cho các nhà thực nghiệm thấy rõ hơn sự thật về điều gì thúc đẩy họ, Giáo sư Faraday đặt nhiều cái đĩa bằng bìa cứng carton nối liền nhau và được dán dính vào bàn bằng một loại keo hơi mềm, khiến cho toàn thể dính vào nhau trong một lúc, tuy nhiên nếu chịu áp lực liên tục thì chúng sẽ rời ra. Thế mà cái bàn đã xoay – đúng vậy, thật sự nó *dám xoay trước mặt ông Faraday*, sự kiện này ít ra cũng có một giá trị nào đó – người ta bèn khảo sát cái đĩa; và khi người ta phát hiện thấy chúng dần dần rời chỗ bằng cách trượt theo cùng một hướng với cái bàn thì đó trở thành một bằng chứng không chối cãi được là chính các nhà thực nghiệm *đã đẩy* cái bàn.

Còn một cuộc thí nghiệm khác cũng được gọi là thí nghiệm khoa học rất hữu dụng trong một hiện tượng được gán cho hoặc là tâm linh hoặc là thông linh, nó bao gồm một dụng cụ nhỏ ngay tức khắc cảnh báo cho các nhân chứng biết được xung lực cá nhân nhỏ nhất của chính mình hoặc đúng hơn theo cách diễn tả của chính ông Faraday, “nó báo cho họ biết khi nào họ chuyển từ trạng thái thụ động sang trạng thái chủ động”. Cái kim này vốn làm bộc lộ chuyển động chủ động chỉ chứng tỏ được có mỗi một điều, nghĩa là: tác động của một lực hoặc là xuất phát từ người lên đồng hoặc là kiểm soát người lên đồng. Và ai dám bảo rằng không có một lực như thế? Mọi người đều công nhận như vậy cho dù lực này chuyển qua người thao tác (nó thường biểu lộ như thế) hoặc tác động độc lập với y (cũng hay xảy ra trường hợp này). “Trọn cả điều bí mật vốn ở nơi sự mất tỉ lệ của lực mà người thao tác vận dụng, họ đẩy vì họ bắt buộc phải đẩy với một vài tác dụng quay nào đó hoặc đúng hơn là do một giống người thật sự kỳ diệu. Khi có mặt những hiệu ứng màu nhiệm như thế, hèn chi mà người ta chẳng tưởng tượng rằng những cuộc thí nghiệm của Người tí hon thuộc loại này ắt chẳng có giá trị gì trong cái Xứ sở của người Khổng lồ vừa mới được phát hiện ra” [1].

Giáo sư Agassiz ở Mỹ (ông có địa vị lỗi lạc của một nhà khoa học cũng gần giống như địa vị của ông Faraday ở Anh) hành động một cách còn thiếu công bằng hơn nữa. Giáo sư J. R. Buchanan (nhà nhân loại học lỗi lạc mà xét về nhiều mặt đã khảo luận về Thần linh học một cách khoa học hơn bất kỳ người nào khác ở Mỹ) có nói về Agassiz trong một bài báo gần đây với một sự công phần rất chính đáng. Đó là vì cũng giống như mọi người khác, Giáo sư Agassiz phải tin vào một hiện tượng mà bản thân ông có trải nghiệm. Nhưng giờ đây khi cả Faraday lẫn Agassiz đều đã *trở thành người thiên cổ* thì tốt hơn ta nên chất vấn người còn sống hơn là kẻ đã chết.

Như vậy là những kẻ đa nghi thời nay đã chối bỏ một lực mà quyền năng bí mật của nó vốn hoàn toàn quen thuộc với các nhà thông thần thời xưa. Những đứa con thời tiền hồng thủy – họ có lẽ đã chơi đùa với nó, vận dụng nó giống như

[1] Bá tước de Mirville, tác phẩm “Vấn đề các Vong linh”.

những đứa trẻ trong tác phẩm *Giống dân Sắp tới* của Bulwer Lytton vận dụng thần lực "writ" khủng khiếp – gọi nó là "Nước Phtha"; con cháu họ gọi nó là *Anima Mundi*, linh hồn thế giới; mãi về sau này môn đồ phái Hermes thời trung cổ gọi nó là "ánh sáng tinh đấu" tức "Sữa của Mẹ Đồng trinh trên Trời", "Tử lực" và nhiều tên gọi khác. Nhưng các nhà bác học thời nay ắt chẳng chấp nhận hoặc công nhận nó với những tên gọi đó; vì nó thuộc về *pháp thuật* và theo quan niệm của họ thì pháp thuật là điều mê tín dị đoan ô nhục.

Apollonius và Iamblichus chủ trương rằng không phải vì "biết được mọi sự vật ở *bên ngoài*, mà chính nhờ hoàn hảo được linh hồn ở *bên trong* thì con người mới làm chủ được bản thân và có hoài bão siêu quần bạt tụy"^[1]. Như vậy họ đã đạt tới mức hoàn toàn nhận biết được linh hồn tựa như thần linh của mình, họ đã vận dụng quyền năng của linh hồn với mọi sự minh triết là thành quả của việc nghiên cứu bí truyền về kho tài liệu Hermes mà các bậc cha ông đã truyền thừa cho họ. Nhưng các triết gia của ta vốn ẩn mình trong những lớp vỏ xác thịt nên không thể hoặc không dám rứt rề dăm dăm nhìn quá mức điều *có thể hiểu nổi*. Đối với họ chẳng có kiếp sống vị lai, cũng chẳng có giấc mơ tựa thần linh, họ khinh thường chúng là không khoa học, đối với họ những người thời xưa chỉ là các vị "tổ tiên dốt nát" (họ diễn tả như thế) và trong công trình khảo cứu sinh lý học bất cứ khi nào họ gặp một tác giả tin rằng trong mọi con người đều có sẵn cái lòng khao khát bí nhiệm đối với tri thức tâm linh ấy mà không thể trình bày cho ta một cách uổng công, thì họ coi người đó thật là đáng thương và đáng khinh bỉ.

Ngạn ngữ của Ba tư có nói: "Bầu trời càng tối đen thì các ngôi sao càng chói sáng". Như vậy là trên bầu trời tối đen của thời trung cổ thấy bắt đầu xuất hiện những Huynh đệ bí nhiệm của Hoa hồng Thập tự. Họ không tạo thành hiệp hội, họ không xây dựng nên trường lớp, vì họ bị săn đuổi như những con thú hoang và khi bị Giáo hội Ki Tô giáo tóm được thì họ sẽ bị thiêu sống mà không có nghi thức nào. Bayle: "Vì tôn giáo cấm việc làm đổ máu cho nên để né tránh câu châm ngôn, *Giới giáo sĩ không gây đổ máu*, họ bèn thiêu sống người ta vì thiêu sống *không làm đổ máu!*".

Nhiều nhà thần bí học khi theo sát điều được dạy dỗ qua một số thiên khảo luận được bí mật bảo tồn từ đời này sang đời khác, đã thành tựu được những phát hiện mà ngay cả thời khoa học chính xác hiện nay cũng không thể khinh thường được. Roger Bacon là một thầy dòng bị chế nhạo, là một lang băm hiện nay thường được xếp vào loại người "tự cho" mình có pháp thuật; tuy nhiên các phát hiện của ông đã được chấp nhận và giờ đây được những người chế nhạo ông nhiều nhất đem ra sử dụng. Roger Bacon thuộc về (do thẩm quyền nếu không phải là do thực tế) cái hội đoàn huynh đệ vốn bao gồm tất cả những người nào muốn nghiên cứu khoa học huyền bí. Vì sống vào thế kỷ thứ 13, do đó hầu như đồng thời với Albertus Magnus và Thomas Aquinas, những khám phá của ông – chẳng hạn như thuốc súng, kính quang học và những thành tựu cơ khí – đều được mọi người coi là biết bao nhiêu phép lạ. Ông bị buộc tội đã giao ước với Tà phái.

Trong chuyện huyền thoại về thầy dòng Bacon cũng như "trong một vở kịch xưa do Robert Green (một kịch tác gia vào thời nữ hoàng Elizabeth) viết ra, người ta có kể lại rằng khi được triệu tập tới trước mặt nhà vua, vị thầy dòng được lệnh phải trở tài trước mặt nữ hoàng", thế là ông vẫy tay (trong văn bản là *vẫy cây đũa phép*) và "những người hiện diện nghe thấy âm nhạc tuyệt vời đến nỗi tất cả đều

[1] Bulwer Lytton, tác phẩm "Zanoni".

bảo rằng họ chưa bao giờ nghe thứ nào giống như thế". Sau đó họ nghe thấy một âm nhạc còn lớn hơn nữa và bốn nhân vật hiện hình đột nhiên hiện ra nhảy múa cho đến khi chúng biến mất giữa không trung. Thế rồi ông vẫy đũa phép một lần nữa và thành linh có "một mùi thơm ngào ngạt như thể hương thơm của trọn cả thế giới đều tề tựu nơi đó và được điều chế bằng một phương thức tốt nhất không gì sánh kịp". Sau đó, vì đã hứa chỉ cho một nhà quý tộc thấy cô bồ của y, Roger Bacon vén cái rèm che căn hộ của nhà vua lên và mọi người trong phòng đều thấy "một cô đầu bếp cầm lăm lăm trên tay cái môi xối mỡ". Nhà quý tộc kiêu hãnh, mặc dù thấy cô đầu bếp biến mất đột ngột giống như khi cô hiện ra, vẫn điên tiết lên trước cái khung cảnh sỉ nhục như thế và đe dọa trả thù ông thầy dòng. Vị pháp sư đối phó ra sao đây? Ông chỉ trả lời: "Đừng có hòng mà đe dọa, kéo tôi sẽ làm cho ông nhục nhã hơn, và ông sẽ phải tìm cách nói dối một lần nữa với các vị *học giả!*"

Để bình luận về điều này, sử gia hiện đại có nhận xét ^[1]: "Đây có thể được coi là một loại minh họa cho lớp phô trương vốn có lẽ là kết quả của việc *hiểu biết cao siêu* về các khoa học thiên nhiên. Chẳng ai đã từng nghi ngờ rằng đó là kết quả của một tri thức chính xác xiết bao và các môn đồ phái Hermes, các pháp sư, các nhà chiêm tinh học và các nhà luyện kim đan chưa bao giờ đòi hỏi bất cứ điều nào khác. Chắc chắn không phải lỗi của họ mà là lỗi của quần chúng dốt nát do chịu ảnh hưởng của một giáo sĩ đoàn cuồng tín và vô lương tâm đã gán mọi công trình như thế cho tác nhân là ma quỷ. Xét vì Tòa án Tôn giáo đã hành hạ hà khắc mọi kẻ nghi ngờ là theo pháp thuật chánh đạo hoặc tà đạo, cho nên cũng chẳng lấy gì làm lạ khi các triết gia này không khoe khoang mà cũng chẳng thừa nhận sự thật về một giao tiếp như thế. Ngược lại, tác phẩm của chính họ đều chứng tỏ rằng họ chủ trương pháp thuật "chẳng có gì khác hơn là áp dụng những nguyên nhân chủ động tự nhiên tác động vào các sự vật hoặc đối tượng thụ động, do đó tạo ra nhiều tác dụng vô cùng gây sửng sốt".

Thế nhưng vẫn tự nhiên, ngay cả vào thời nay ta cũng thường quan sát thấy các hiện tượng mùi vị và âm nhạc thần bí mà Roger Bacon đã phô diễn. Chưa cần nói tới kinh nghiệm cá nhân, chúng ta vẫn được thông tin qua các thông tin viên người Anh thuộc Hội Thông Thiên Học, theo đó họ đã nghe thấy những âm điệu của âm nhạc làm ngây ngất nhất không xuất phát từ một nhạc cụ hữu hình nào và hít thở hàng loạt những mùi vị dễ chịu mà họ tin rằng do tác nhân vong linh tạo ra. Một thông tin viên nói cho ta biết rằng một trong những mùi vị quen thuộc này – mùi gỗ đàn hương – nồng nặc đến nỗi căn nhà vẫn thắm đượm nó hằng tuần sau buổi lên đồng. Trong trường hợp này, người đồng cốt là thành viên của một gia đình riêng và các cuộc thực nghiệm đều được thực hiện trong phạm vi gia đình. Một người khác mô tả điều mà ông gọi là "tiếng gỗ nhịp âm nhạc". Những mảnh lược giờ đây có thể tạo ra những hiện tượng này ắt phải tồn tại và cũng hữu hiệu vào thời của Roger Bacon. Còn về phần những sự hiện hình, chỉ cần nói rằng giờ đây chúng được triệu thỉnh trong giới thần linh học và được các nhà khoa học bảo đảm thì việc Roger Bacon có triệu thỉnh được chúng ắt trở nên rất có thể hơn bao giờ hết.

Trong phần khảo luận về *Pháp thuật Thiên nhiên*, Baptista Porta có liệt kê trọn cả danh mục các công thức bí mật để tạo ra các tác dụng phi thường bằng cách sử dụng các quyền năng huyền bí của thiên nhiên. Mặc dù các "pháp sư" tin chắc vào thế giới các vong linh vô hình cũng chẳng kém gì các nhà thần linh học, nhưng không ai khẳng định rằng tạo ra tác dụng do sự kiểm soát của các tinh linh hoặc chỉ nhờ sự trợ giúp của các tinh linh thôi. Họ thừa biết rằng một khi đã mở

[1] T. Wright, tác phẩm "Chuyện kể về thuật Phù thủy và Pháp thuật".

toang cửa rước chúng vào nhà thì thật khó mà ngăn ngừa được đám tạo vật tinh linh ngũ hành này. Ngay cả pháp thuật của người Chaldea thời xưa chẳng qua cũng chỉ là một kiến thức sâu sắc về quyền năng của các dược thảo và khoáng vật. Chỉ khi nhà thông thần muốn được trợ giúp *thiên liêng* về các vấn đề tâm linh và trần tục thì y mới tìm cách giao tế trực tiếp với các thực thể tâm linh thuần khiết thông qua các nghi thức tôn giáo. Ngay cả như thế thì đối với họ các tinh linh vẫn còn vô hình và chỉ giao tiếp với người phàm tục thông qua những giác quan bên trong đã được khơi hoạt chẳng hạn như thần nhãn, thần nhĩ, xuất thần v.v. . . điều này chỉ có thể được triệu thỉnh trong *nội giới* do kết quả của một sinh hoạt thanh sạch và lời cầu nguyện thuần khiết. Nhưng mọi hiện tượng trên cõi trần đều chỉ được tạo ra do áp dụng kiến thức về các lực thiên nhiên, mặc dù chắc chắn không phải bằng phương pháp khéo tay nhiều xảo thuật mà các nhà ảo thuật thực hành thời nay.

Những người có được kiến thức ấy về vận dụng những quyền năng như thế kiên nhẫn lao động vất vả vì một điều gì đó tốt đẹp hơn là cái hư danh của tiếng tăm phù du. Vì không mưu cầu hư danh cho nên họ trở thành bất tử cũng như tất cả những người nào lao động vất vả vì lợi ích của loài người mà quên đi cái bản ngã thấp hèn nhờ được soi sáng bằng ánh sáng của sự thật vĩnh hằng, cho nên các nhà luyện kim đan nghèo vật chất mà giàu tinh thần này mới tập trung chú ý vào những sự việc vượt ngoài tầm hiểu biết thông thường, nhận thấy chẳng điều chi là khôn dò mà chỉ là Nguyên nhân Bản sơ và không thấy có vấn đề gì là không thể giải quyết được. Qui tắc trước sau như một của họ là: dám, biết, quyết tâm và GIỮ IM LẶNG; đối với họ thì việc làm phước, vị tha, không giả vờ là những sự thôi thúc hồn nhiên. Vì khinh thường những điều tưởng thưởng do các thương vụ nhỏ nhen, lánh xa của cải, sự xa hoa, vẻ hào nhoáng và quyền lực thế tục cho nên họ khao khát biết được điều thỏa mãn nhất cho mọi điều được thụ đắc. Họ đánh giá cao sự nghèo nàn, đói khát, lao động vất vả, lời nói xấu của thế nhân và thấy trả giá như vậy để được thành tựu cũng không có gì là ghê gớm lắm. Họ có thể đã từng nằm trên giường êm mướt lông tơ phủ nhưng, song họ chịu đau khổ để chẳng thà chết trong bệnh viện hoặc ngoài vỉa hè còn hơn là bán rẻ linh hồn mình để cho lòng tham trần tục của những kẻ cám dỗ họ chiến thắng được lời thệ nguyện linh thiêng của mình. Cuộc đời của Paracelsus, Cornelius Agrippa và Philalethes đã quá nổi tiếng nên ta không cần lập lại câu chuyện cũ rích đáng buồn này.

Nếu các nhà thần linh học bần chồn muốn theo sát giáo điều trong quan niệm về "thế giới tâm linh" thì họ đừng có bảo các *nhà khoa học* này hãy nghiên cứu các hiện tượng của mình với tinh thần thực nghiệm chân chính. Toán tính ấy chắc sẽ là có kết quả phần nào tái phát hiện được pháp thuật thời xưa của Moses và Paracelsus. Bên dưới vẻ đẹp gạt gẫm của một số những pha hiện hình thì một ngày kia họ có thể tìm thấy những vị phong thần và thủy thần đẹp đẽ của môn đồ Hoa hồng Thập tự đùa giỡn trong dòng thần lực *oath* và lực *thông linh*.

Ông Crookes vốn tin chắc vào những *sinh linh* ấy; đã cảm thấy rằng bên dưới lớp da nồn nà của Katie có che phủ một tâm hồn được ngụy trang phần nào vay mượn từ người đồng cốt và những người lên đồng chứ *chẳng có linh hồn* gì hết! Và những nhà bác học tác giả của quyển *Vũ trụ Vô hình* khi từ bỏ thuyết "điện sinh học" của mình bắt đầu nhận thấy trong chất ether vũ trụ *có khả năng* đó là một tập ảnh của đấng Vô biên, EN-SOPH.

Chúng ta đâu có tin rằng mọi vong linh giao tiếp ở những buổi lên đồng đều thuộc lớp sinh linh tên là "Tinh linh ngũ hành" và "Âm ma". Nhiều vong linh đó – nhất là trong số những sinh linh kiểm soát người đồng cốt trong nội giới nói, viết

và hành động khác nữa theo nhiều kiểu khác nhau – đều là các vong linh của người đã thoát xác. Liệu các vong linh ấy là tốt hay *xấu* đều phần lớn tùy thuộc vào đạo đức riêng tư của người đồng cốt, cũng tùy thuộc nhiều vào đám người lên đồng có mặt và tùy thuộc phần lớn vào cường độ và mục tiêu trong chủ đích của họ. Nếu mục tiêu ấy chỉ là thỏa mãn óc tò mò và mua vui một vài trống canh thì cũng hoài công khi trông mong có một điều gì đó nghiêm chỉnh. Nhưng trong bất kỳ trường hợp nào thì vong linh con người cũng *chẳng bao giờ* hiện hình ra được *đúng như con người ấy*. Chúng chẳng bao giờ xuất hiện trước nhà khảo cứu mà khoác lấy da thịt rắn chắc ấm áp với bàn tay rịn mồ hôi và những khuôn mặt trên cơ thể với vật liệu thô trược. Cùng lắm thì họ cũng chỉ có thể phóng chiếu sự phản ánh tinh anh của mình lên những làn sóng trong khí quyển và nếu trong những dịp hãn hữu mà giác quan của người phạm tục còn sống trên cõi ngoại giới có thể sờ vào được tay chân và quần áo của họ, thì người ta cũng chỉ cảm thấy giống như gió hiu hiu thoảng qua quét nhẹ lên cái chỗ bị sờ mó chứ đâu giống như bàn tay của một người hoặc cơ thể làm bằng vật chất. Thật hoài công khi biện hộ rằng “các vong linh hiện hình” đã phô trương ra với những quả tim đập thành thịch và những giọng nói oang oang (có hoặc không kèn không trống) là các vong linh của *con người*. Những giọng nói – nếu ta có thể gọi một âm thanh như thế là giọng nói – của một sự hiện hình vong linh một khi mà ta đã nghe thấy rồi thì khó lòng có thể quên được. Giọng nói của một vong linh thuần túy giống như tiếng thì thào rung rẩy của một cây hạc cầm vắng vắng từ xa; giọng nói của một vong linh đau khổ vì thế cho nên không thuần túy nếu không phải là cực kỳ tồi tệ, có thể được đồng hóa với tiếng người phát ra từ một cái thùng rỗng.

Đây không phải là triết lý của *chúng tôi* mà là của vô số thể hệ các nhà thông thần và pháp sư dựa vào kinh nghiệm thực tiễn. Cổ nhân cũng chứng minh khẳng định về đề tài này ^[1]. Tiếng nói của vong linh không hề được phát âm ra. Tiếng nói của vong linh bao gồm một loạt các âm thanh tạo cho ta cảm tưởng là một cột không khí nén từ bên dưới bay vút lên trên và tỏa lan ra xung quanh người còn sống đang đối thoại. Nhiều người tận mắt chứng kiến chứng nhận rằng trường hợp Elizabeth Eslinger nghĩa là ^[2]: phó quản đốc của nhà tù Weinsberg, Mayer, Eckhart, Theurer và Knorr (bằng chứng có tuyên thệ), Düttenhöfer và nhà toán học Kapff chứng nhận rằng họ thấy sự hiện hình *giống như một cột mây*. Trong thời khoảng 11 tuần lễ, bác sĩ Kerner và các con, nhiều vị mục sư Tin lành, luật sư Fraas, nhà chạm trổ Düttenhöfer, hai y sĩ Siefer và Sicherer, thẩm phán Heyd và Nam tước Von Hugel cùng với nhiều người khác nữa đã theo dõi sự hiện hình này hằng ngày. Trong thời gian nó xảy ra, tù nhân Elizabeth cầu nguyện bằng một giọng vang vang không ngừng nghỉ; do đó vì “vong linh” cũng đồng thời đang nói chuyện cho nên đây không thể nào là thuật truyền âm nhập mật, và họ bảo rằng cái giọng ấy “chẳng có chút nào giống như *con người*; không ai có thể bắt chước được âm thanh của nó”.

[1] Xem “Dodone” của Des Mousseaux và tác phẩm “Thượng Đế và chư Thần linh”, trang 326.

[2] “Những sự hiện hình” bản dịch của C. Crowe, trang 388, 391, 399.

Chúng tôi sẽ trình bày thêm nữa nhiều bằng chứng của các tác giả thời xưa liên quan tới sự thật hiển nhiên bị bỏ lơ này. Giờ đây chúng tôi chỉ quả quyết khẳng định lại rằng không một vong linh nào mà các nhà thần linh học cho rằng thuộc về con người lại đã từng được chứng minh với đầy đủ chứng cứ như thế. Những người nhạy cảm có thể cảm thấy ảnh hưởng của các vong linh *đã thoát xác* truyền cho họ trong nội giới. Những vong linh ấy có thể tạo ra những sự hiện hình *nơi ngoại giới* nhưng chúng không thể làm được gì khác hơn mức đã được mô tả trên kia. Chúng có thể kiểm soát cơ thể của người đồng cốt, bộc lộ ham muốn và ý tưởng của mình theo nhiều cách khác nhau mà các nhà thần linh học thừa biết, nhưng chúng không làm *hiện hình* được điều vốn phi vật chất và thuần túy tâm linh tức là *bản thể thiêng liêng* của mình. Như vậy một khi đúng đắn thì mọi cái gọi là "sự hiện hình" đều (có lẽ) được tạo ra do ý chí của cái vong linh mà "sự xuất hiện" chẳng qua chỉ có thể cùng lắm là thể hiện phàm nhơn, hoặc là do chính những yêu tinh âm ma vốn thường quá ngu đần cho nên không đáng được vinh danh gọi là ma quỷ. Trong những dịp hiếm hoi thì các vong linh có thể khống chế và kiểm soát được những sinh vật mất linh hồn, họ thường sẵn sàng vỗ ngực xưng tên nếu được bỏ mặc cho lộng hành, sao cho cái vong linh đầy ác ý "trong không trung" uốn nắn theo hình hài thực của một vong linh *con người* ắt bị vong linh con người điều động như một con rối và không thể hành động hoặc thốt nên lời nào khác hơn những thứ mà "linh hồn bất tử" áp đặt lên y. Nhưng điều này đòi hỏi nhiều điều kiện mà giới lên đồng nói chung (thậm chí cả các nhà thần linh học nữa) đều không biết mặc dù có thói quen đều đặn tham dự các buổi lên đồng. Đầu phải ai cũng có thể thu hút được các vong linh con người mà mình muốn. Một trong những điều thu hút mạnh mẽ nhất đối với những người quá cố là sự luyện ái tha thiết của họ đối với những người còn bị bỏ lại trên trần thế. Nó từng bước lôi cuốn họ một cách không chống cự nổi vào trong dòng TINH TÚ QUANG rung động giữa người có thiện cảm với họ và linh hồn Vũ trụ. Có một điều kiện rất quan trọng nữa là sự hài hòa và sự thanh khiết về từ điện của người có mặt.

Nếu triết lý này là sai lầm, nếu mọi hình thể được "hiện hình" xuất lộ trong những phòng tối đen từ những buồng kín còn tối đen hơn nữa lại là vong linh của những người đã từng một thời sống trên trần thế, thì tại sao có một sự khác nhau như thế giữa chúng và những *bóng ma* đột nhiên xuất hiện mà chẳng cần tới phòng kín hoặc người đồng cốt? Có ai đã từng nghe nói tới những sự hiện hình, những "vong hồn" quậy phá lẫn quẩn ở nơi chốn mà họ bị sát hại hoặc trở về vì một lý do bí mật nào đó của riêng mình, "thò tay ra sờ thấy ấm áp" *như da thịt người sống* thế mà người ta biết rằng họ đã chết và bị đem chôn rồi, làm sao phân biệt họ được với kẻ phàm phu còn sống? Chúng tôi có những sự kiện được kiểm chứng kỹ lưỡng về những sự hiện hình như thế đột nhiên trở nên nhìn thấy được, nhưng chưa bao giờ xảy ra cho đến khi bắt đầu kỷ nguyên "hiện hình" thì chúng tôi mới thấy có một điều gì đó giống như vậy. Trong tác phẩm *Người đồng cốt và Buổi rạng đông*, số ra mùng 8 tháng 9 năm 1876, chúng tôi đọc thấy một bức thư của "một mệnh phụ du hành khắp lục địa", kể lại một trường hợp xảy ra trong một căn nhà bị ma ám. Bà nói: "Một âm thanh kỳ lạ vang lên từ một góc tối om của phòng đọc sách . . . khi nhìn vào thì bà thấy có *một đám mây hoặc một cột hơi nước chói*

sáng . . . vong linh vướng vòng tục lụy đang lớn vồn ở chỗ bị nguyên rủa do hành vi tà vạy của mình . . .". Vì vong linh này chắc chắn là sự hiện hình *đích thực* của một âm ma, nó tự ý hiện ra cho người khác thấy – tóm lại là một *u hồn* – cho nên cũng giống như mọi hồn ma khả kính khác, nó có thể trông thấy được nhưng không thể sờ thấy được, hoặc nếu ta sờ vào nó thì nó truyền cho ta cái cảm giác là một khối nước bị bàn tay nắm chặt lại giống như hơi nước lạnh bị ngưng đọng lại. Nó *chói sáng* và trông giống như *hơi nước*; trong chừng mực mà ta có thể nói được thì đó có lẽ là u hồn thật sự của phạm nhân thuộc "vong linh" bị hành hạ và còn vướng vòng tục lụy do chính nó đã hối hận vì những tội ác của mình hoặc của những người khác hoặc vong linh khác. Những điều bí mật ở bên kia cửa tử có rất nhiều và những "sự hiện hình" thời nay chỉ khiến cho chúng trở nên rẻ tiền và lỗ bịch trước mắt kẻ thờ ơ.

Người ta có thể phản đối những điều quả quyết nêu trên bằng một sự kiện mà các nhà thần linh học đều thừa biết: *Tác giả đã từng công khai chứng nhận mình có thấy những hình dáng được hiện hình như thế*. Chắc chắn là chúng tôi đã làm như thế và sẵn sàng lập lại lời chứng nhận. Chúng tôi đã nhận ra những hình thù ấy là những biểu diễn hữu hình của những người quen biết, thậm chí của những thân bằng quyến thuộc. Cùng với nhiều khán giả khác, chúng tôi đã nghe chúng thốt ra những lời lẽ bằng những ngôn ngữ không quen thuộc chẳng những đối với người đồng cốt và mọi người khác trong phòng (ngoại trừ chúng tôi), mà trong một số trường hợp còn không quen thuộc với hầu hết nếu không phải là tất cả mọi đồng cốt ở Âu Mỹ, vì đó là ngôn ngữ của các bộ tộc và dân tộc Đông phương. Vào thời ấy, những trường hợp này được coi đúng đắn là bằng chứng thuyết phục về thuật đồng cốt chân thực của người nông dân không có học thức ở Vermont ngồi trong một "buồng kín". Tuy nhiên những hình thù này *không phải* là hình dáng của những người mà chúng hiện hình ra như thế. Đó chỉ là những pho tượng chân dung của họ được đám âm ma kiến tạo, làm linh hoạt, giựt dây thao tác. Nếu trước kia chúng tôi chưa minh giải điều này thì đó chỉ là vì lúc ấy công luận trong giới thần linh học thậm chí chưa sẵn sàng lắng nghe luận đề căn bản theo đó có các tinh linh ngũ hành và âm ma. Từ đó trở đi thì người ta đã nêu ra và ít nhiều bàn luận rộng rãi về đề tài này. Giờ đây có ít nguy cơ toan tính phóng lên cái biển gợn sóng lẫn tẩn những lời chỉ trích cái triết lý cổ kính của các bậc thánh hiền thời xưa, vì công luận đã được chuẩn bị phần nào để cứu xét nó, cân nhắc một cách vô tư. Hai năm xáo động đã có kết quả là có thay đổi tốt hơn.

Pausanias có viết rằng bốn trăm năm sau trận chiến Marathon, ở nơi chiến trường người ta vẫn còn nghe thấy *tiếng ngựa hí* và tiếng hò reo của những chiến sĩ mờ mờ nhân ảnh. Giả sử rằng bóng ma của những chiến sĩ trận vong đúng là vong linh thực của họ thì chúng trông giống như những hình bóng "mờ mờ nhân ảnh" chứ không phải là những con người hiện hình ra. Thế thì ai hoặc cái gì tạo ra tiếng ngựa hí? Chẳng lẽ là "vong hồn" của loài ngựa chăng? Và nếu rõ rệt là sai lầm khi cho rằng loài ngựa có vong hồn – điều này không một ai trong đám nhà động vật học, sinh lý học hoặc tâm lý học hoặc ngay cả thần linh học có thể chứng minh hoặc bác bỏ được – thì chúng ta phải coi như đương nhiên là chính "linh hồn bất tử" của con người đã tạo ra tiếng ngựa hí ở Marathon để làm cho phong cảnh

của trận đánh lịch sử trở nên sống động và đầy kịch tính hơn. Người ta đã thấy đi thấy lại hồn ma của những con chó, con mèo và đủ thứ con vật khác; về vấn đề này sự chứng nhận trên khắp thế giới cũng đáng tin cậy như sự chứng nhận đối với việc hồn ma con người hiện hình. Nếu ta được phép tạm diễn tả như vậy thì ai hoặc *cái gì* làm nhân cách hóa được hồn ma của những con thú đã quá cố? Phải chăng lại là vong linh của con người? Khi đặt vấn đề ra như thế thì chẳng còn gì mà nói chuyện lòng vòng: hoặc là ta phải thừa nhận rằng loài thú cũng có vong hồn và vong linh sống còn như chính chúng ta hoặc là ta phải chủ trương theo Porphyry rằng trong thế giới *vô hình* có một loài ma quỷ đầy ác ý và nhiều thủ đoạn là những sinh linh trung gian giữa người còn sống và chư “thần linh”; các tinh linh này rất khoái chí khi hiện hình dưới bất cứ hình thù nào mà nó có thể tưởng tượng ra được, bắt đầu bằng hình người và chấm dứt bằng hình thú của vô số loài thú [1]

Trước khi dám đánh bạo quyết định vấn đề liệu hồn ma của loài thú có thường được nhìn thấy và chứng nhận là vong hồn của những con thú đã chết trở lại hay chẳng, thì ta phải cẩn thận xem xét cách ứng xử mà người ta tường trình về chúng. Liệu những hồn ma này có hành động theo những thói quen và phô diễn những bản năng giống như con thú trong buổi sinh thời hay chẳng? Liệu hồn ma của những con thú săn mồi có nằm chờ nạn nhân hoặc hồn ma của những con thú nhút nhát có cao chạy xa bay khi thấy mặt con người hay chẳng; hoặc những con thú nhút nhát lại có hồn ma tỏ ra đầy ác ý với bầm tính quạ phá hoàn toàn xa lạ bản chất của mình? Nhiều nạn nhân của vụ ma nhập – nhất là những người chịu nạn ở Salem và những thuật phù thủy khác trong lịch sử – chứng nhận là đã thấy những con chó, mèo, heo và những con thú khác chui vào buồng mình, cắn xé mình và chà đạp lên cơ thể đang thiêu ngủ của mình và còn *nói chuyện* với mình nữa, *thường thường thì xúi giục mình tự tử hoặc phạm những tội ác khác*. Trong trường hợp đã được kiểm chứng kỹ lưỡng của nạn nhân Elizabeth Eslinger mà Bác sĩ Kerner có đề cập tới thì sự hiện hình của vị linh mục thời xưa ở Wimmenthal [2] có kèm theo một con chó lớn màu đen mà linh mục gọi là *cha của mình*, khi có mặt nhiều nhân chứng con chó này vẫn leo lên giường của các tù nhân. Và một dịp khác vị linh mục xuất hiện với một con chiên và đôi khi với hai con chiên. Hầu hết những người bị kết án ở Salem đều bị các nhà nữ thấu thị buộc tội là đã tham vấn những con chim màu vàng với âm mưu đầy ác ý, những con chim vàng đó đậu trên vai của họ hoặc trên xà nhà phía ngay trên đầu [3]. Và trừ phi ta không tin lời chứng nhận của hàng ngàn nhân chứng ở khắp nơi trên thế giới và trong mọi thời đại để cho chỉ có các nhà đồng cốt thời nay mới độc quyền có thuật thấu thị thì hồn ma của loài thú vẫn xuất hiện và bộc lộ đủ mọi đặc điểm tồi tệ nhất trong bản chất bại hoại của con người mà bản thân hồn ma đó lại không mang hình người. Thế thì liệu chúng có thể là cái gì nếu không phải là tinh linh ngũ hành?

Descartes là một trong số ít người tin tưởng và dám bảo rằng môn y học huyền bí mà chúng ta còn chịu ơn nhiều phát kiến “có định mệnh là mở rộng phạm

[1] “Bàn về sự tiết dục” v.v. . .

[2] C. Crowe: “Bàn về sự hiện hình”, trang 398.

[3] Upham: “Thuật phù thủy ở Salem”.

vi của triết học”; còn Brierre de Boismont chẳng những chia xẻ những hi vọng ấy mà còn công khai thừa nhận mình có thiện cảm với “thuyết siêu tự nhiên” mà ông coi là “tín điều vĩ đại” phổ biến khắp thế giới . . . Ông bảo rằng: “Chúng tôi đồng ý với Guizot khi cho rằng sự tồn tại của xã hội vốn được gói ghém trong đó. Lý trí hiện đại mặc dù theo *chủ nghĩa thực chứng* vẫn không thể nào giải thích được nguyên nhân sâu xa của bất kỳ hiện tượng phép lạ nào cho nên thật là hoài công mà *bác bỏ thuyết siêu tự nhiên*, nó vốn phổ biến trên khắp thế giới và ngự trong tâm khảm con người. Những đầu óc cao siêu nhất thường là những môn đồ nhiệt thành nhất của nó” [1].

Christopher Columbus đã khám ra Châu Mỹ, còn Americus Vespecius lại gặt hái được vinh quang và tiềm quyền của người phát hiện. Theophrastus Paracelsus đã tái phát hiện được những tính chất huyền bí của nam châm – “cục xương của Horus” mà 12 thế kỷ trước thời ông đã đóng một vai trò quan trọng xiết bao trong các bí pháp thần thông – và tự nhiên là ông trở thành người sáng lập ra trường phái từ điển và thuật thông thần pháp thuật thời trung cổ. Nhưng Mesmer sinh trưởng gần 300 năm sau ông với tư cách là môn đồ thuộc trường phái của ông đã đưa những phép lạ của từ điển ra trước công chúng, gặt hái được vinh quang lẽ ra thuộc về nhà triết gia bá hóa, còn bậc thầy vĩ đại lại chết trong nhà thương!

Trò đời vẫn như thế: những khám phá mới bắt nguồn từ những khoa học cổ xưa; những con người mới bắt nguồn cũng từ cái thiên nhiên xưa cũ!

[1] Brierre de Boismont: “Bàn về các Ảo giác”, trang 60.